

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG 620 - CHÂU THỜI

(620 - CHAU THOI CONCRETE CORPORATION)

(Thành lập năm 2000 theo Quyết định số 41/2000/QĐ - TTG ngày 28 tháng 03 năm 2000 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển Công ty Bê tông 620 thành công ty cổ phần)

ĐĂNG KÝ LẠI CỔ PHIẾU ĐỀ NIÊM YẾT

Tên cổ phiếu : Cổ phiếu Công ty Cổ phần Bê tông 620 - Châu Thời
Loại cổ phiếu : Cổ phiếu phổ thông
Mệnh giá : 10.000 đồng
Số lượng đăng ký niêm yết : 5.882.690 cổ phần
Tổng giá trị đăng ký niêm yết : 58.826.900.000 đồng Việt Nam

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

1. Công ty Tư vấn Kiểm toán Grant Thornton

Địa chỉ : Lầu 12, tòa nhà SunWah Tower - 115 Nguyễn Huệ, Quận 1, TP.HCM

Điện thoại : 08.8219277 Fax.: 08.8219276

(Tham gia kiểm toán báo cáo tài chính kết thúc năm 1999 theo chương trình kiểm toán và tư vấn miễn phí do Ngân hàng phát triển Châu Á tài trợ - chương trình TA VIE 3354).

2. Công ty Kiểm toán và Tư vấn Tài chính - Kế toán Sài Gòn (AFC)

Địa chỉ : 138 Nguyễn thị Minh Khai, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại : 08.9303437 Fax : 08.9303365

(Tham gia kiểm toán báo cáo tài chính năm 2000 và 09 tháng đầu năm 2001)

TỔ CHỨC TƯ VẤN :

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất (FSC)

Trụ sở : 09 Hoàng văn Thụ, Khu Chánh Nghĩa, Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

Điện thoại : 0650.832614~15 Fax: 0650.832616

E-mail : ctydenhat@hcm.vnn.vn <http://www.fsc.com.vn>

Chi nhánh tại TP.HCM:

Địa chỉ : 208 D-E Hùng Vương, P.15, Q. 05, TP.HCM

Điện thoại : 08.9554938~39, 9554941 Fax : 08.9554940

E-mail : fschcm@hcm.vnn.vn

Mục lục

- I. **CAM KẾT CỦA CÁC CÁ NHÂN CHỊU TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH**
 1. Tổ chức phát hành
 2. Tổ chức tư vấn niêm yết
- II. **TÓM TẮT VỀ TỔ CHỨC PHÁT HÀNH VÀ CHỨNG KHOÁN ĐĂNG KÝ LẠI**
 1. Giới thiệu về tổ chức phát hành
 2. Thị trường
 3. Chiến lược kinh doanh
 4. Kết quả hoạt động kinh doanh trong 2 năm gần nhất
 5. Chứng khoán đăng ký lại để niêm yết
- III. **CÁC NHÂN TỐ RỦI RO TÁC ĐỘNG ĐẾN GIÁ CẢ CHỨNG KHOÁN PHÁT HÀNH**
 1. Rủi ro về kinh tế
 2. Rủi ro về tỷ giá
 3. Rủi ro về lãi suất
 4. Rủi ro về luật pháp
 5. Rủi ro lạm phát
 6. Rủi ro liên quan đến biến động giá cổ phiếu
 7. Rủi ro khác
- IV. **CÁC KHÁI NIỆM**
- V. **CHỨNG KHOÁN ĐĂNG KÝ LẠI NIÊM YẾT**
 1. Vốn điều lệ
 2. Loại chứng khoán
 3. Mệnh giá
 4. Tổng số chứng khoán dự kiến đăng ký lại để niêm yết
 5. Cơ cấu sở hữu cổ phần trong công ty
 6. Giới hạn về tỷ lệ sở hữu đối với tổ chức, cá nhân nước ngoài
 7. Các loại thuế có liên quan
- VI. **CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT PHÁT HÀNH**
 1. Tổ chức kiểm toán

2. Tổ chức tư vấn niêm yết

VII. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Quá trình hình thành và phát triển

2. Cơ cấu tổ chức công ty

3. Cơ cấu quản lý bộ máy công ty

4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần

5. Hoạt động kinh doanh

6. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong 2 năm gần nhất

7. Vị thế của Công ty so với các đơn vị khác trong cùng ngành

8. Chính sách đối với người lao động

9. Chính sách cổ tức

10. Tình hình hoạt động tài chính

11. Danh sách HĐQT, Ban kiểm soát, Ban giám đốc

12. Tài sản

13. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

14. Kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty

15. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán phát hành

VIII. PHỤ LỤC

I. CAM KẾT CỦA CÁC CÁ NHÂN CHỊU TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức phát hành

Ông **Nguyễn Hùng** Chức vụ : Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc

Bà **Huỳnh Thị Thanh Hà** Chức vụ : Kế toán trưởng

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế, đầy đủ và cần thiết để nhà đầu tư có thể đánh giá về tài sản, hoạt động, tình hình tài chính, kết quả và triển vọng của Công ty.

2. Tổ chức tư vấn niêm yết

Ông **Trần Thiện Thế** Chức vụ : Tổng giám đốc

Bà **Nguyễn Thị Phương Mai** Chức vụ : Phó Giám đốc chi nhánh tại TP.HCM

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ xin phép đăng ký lại do Công ty chứng khoán Đệ Nhất tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng tư vấn với Công ty cổ phần bê tông 620 - Châu Thới. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng hoàn toàn dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do công ty cổ phần bê tông 620 - Châu Thới cung cấp và khẳng định tính trung thực theo đúng những thỏa thuận trong Hợp đồng tư vấn giữa công ty chứng khoán Đệ Nhất và Công ty cổ phần Bê tông 620 - Châu Thới trước khi chúng tôi đệ trình lên Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước xin phép đăng ký lại cổ phiếu để niêm yết.

II. TÓM TẮT VỀ TỔ CHỨC PHÁT HÀNH VÀ CHỨNG KHOÁN PHÁT HÀNH

1. Giới thiệu về Công ty Cổ phần Bê tông 620 - Châu Thới (620 - CCC)

Công ty cổ phần bê tông 620 - Châu Thới tiền thân là doanh nghiệp nhà nước được thành lập từ năm 1993 trực thuộc Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 6 (Cienco 6), được cổ phần hóa theo quyết định số 41/2000/QĐ -TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 28 tháng 03 năm 2000.

Các thông tin chính về công ty:

Tên công ty : **CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG 620 - CHÂU THỚI**

Tên viết tắt : **620 - CCC**

Tên giao dịch quốc tế: **620 - CHAU THOI CONCRETE CORPORATION**

Địa chỉ : Km 1877, Quốc lộ 1K, xã Bình An, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Điện thoại : 0650.751617 / 750065 Fax: 0650.751628

Văn phòng đại diện tại TP. Hồ Chí Minh

- Địa chỉ : 35 Nguyễn Văn Đậu, phường 6, quận Bình Thạnh, TP.HCM

- Điện thoại : 08.5152478~79 Fax: 08.8440520

- Quyết định thành lập : Số 41/2000/QĐ-TTG ngày 28/03/2000 của Thủ tướng Chính phủ

- Giấy ĐKKD số 4603000013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp ngày 05 tháng 01 năm 2001.

- Giấy chứng nhận Đăng ký thay đổi kinh doanh số 1 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp ngày 28 tháng 08 năm 2001.

- Giấy chứng nhận Đăng ký hoạt động văn phòng đại diện số 03000408 VP46 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 27 tháng 08 năm 2001.

Các lĩnh vực hoạt động theo giấy phép của Công ty:

Sản xuất và lắp đặt cấu kiện bê tông đúc sẵn

Sản xuất các loại vật liệu xây dựng

Gia công, sửa chữa các dụng cụ máy móc thiết bị cơ khí

Xây dựng các công trình giao thông cầu cống, xây dựng dân dụng, bến cảng.

Nạo vét bồi đắp mặt bằng, đào đắp thi công nền móng công trình.

Xây dựng các công trình công nghiệp, dân dụng

Dịch vụ vận chuyển bê tông tươi, bê tông siêu trường, siêu trọng

Xuất nhập khẩu vật tư, nguyên phụ liệu, phụ tùng ngành xây dựng.

Bảng cơ cấu vốn cổ phần trong công ty

Chỉ tiêu	Vốn đăng ký			Vốn đăng ký lại để niêm yết		
	Số lượng (cổ phiếu)	Tỷ lệ (%)	Số lượng cổ đông	Số lượng (cổ phiếu)	Tỷ lệ (%)	Số lượng cổ đông
Cổ đông nhà nước	294.000	42,42%	05	294.000	49,98%	05
Cổ đông là CBCNV Cty	51.887	7,49%	201	41,887	8,82%	201
Cổ đông ngoài Cty	242.382	34,98%	309	242.382	41,20%	309
Cổ phiếu quỹ	104.731	15,11	01	-	-	-
Tổng cộng	693.000	100%	506	588.269	100%	505

Tình hình lao động hiện nay :

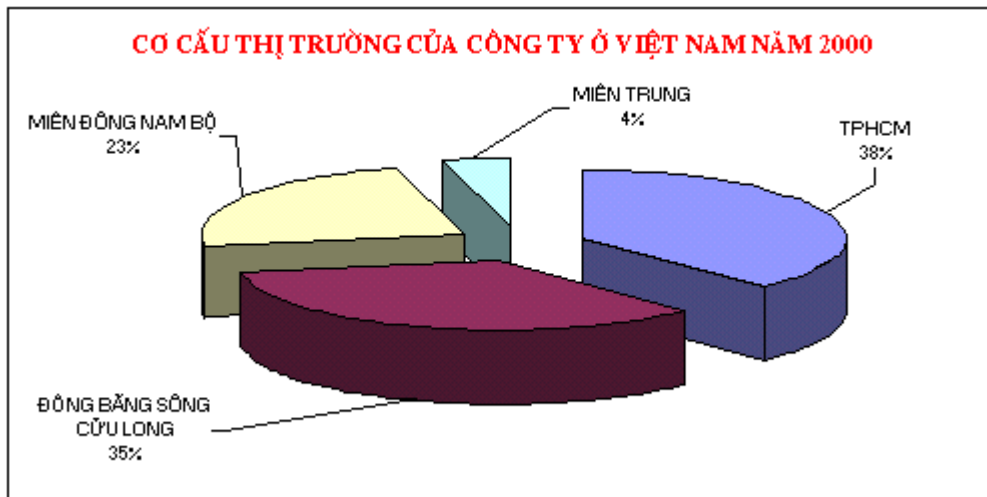
Tổng số nhân viên hiện nay là 762 người, trong đó lao động gián tiếp là 98 người. Đa số lao động ký hợp đồng dài hạn với cơ cấu và tỷ lệ như sau :

Trình độ	Số lượng	Tỷ lệ
Trên đại học	03	0,40%
Đại học	75	9,84%
Cao đẳng	06	0,78%
Trung cấp	08	1,05%

Phổ thông	670	87,93%
-----------	-----	--------

2. Thị trường

2.1 Nhu cầu sản phẩm và dịch vụ:



Do tính chất hoạt động: việc cung cấp các sản phẩm bê tông đúc sẵn, bê tông tươi cũng như dịch vụ xây lắp diễn ra trên các công trình xây dựng mang tính phân tán trên một địa bàn rất rộng, do đó, dựa vào yếu tố địa lý để phân chia thị trường tiêu thụ các sản phẩm chính (Bê tông các loại; Xây dựng công trình; dịch vụ vận chuyển và lao phóng dầm; đá các loại) của công ty trong năm 2000 được trình bày theo biểu đồ trên đây.

Trong tiến trình phát triển và hội nhập kinh tế khu vực, vốn đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng ngày càng tăng nhanh theo nhịp độ tăng trưởng kinh tế đất nước. Các công trình giao thông thủy, bộ, đường sá ngày càng được nâng cấp, xây dựng thêm, nhu cầu các sản phẩm bê tông cốt thép như dầm, cọc, ống cống... ngày càng tăng lên. Với lợi thế của mình, công ty đã nắm bắt được nhu cầu, đã đáp ứng các chủng loại sản phẩm theo yêu cầu của từng công trình.

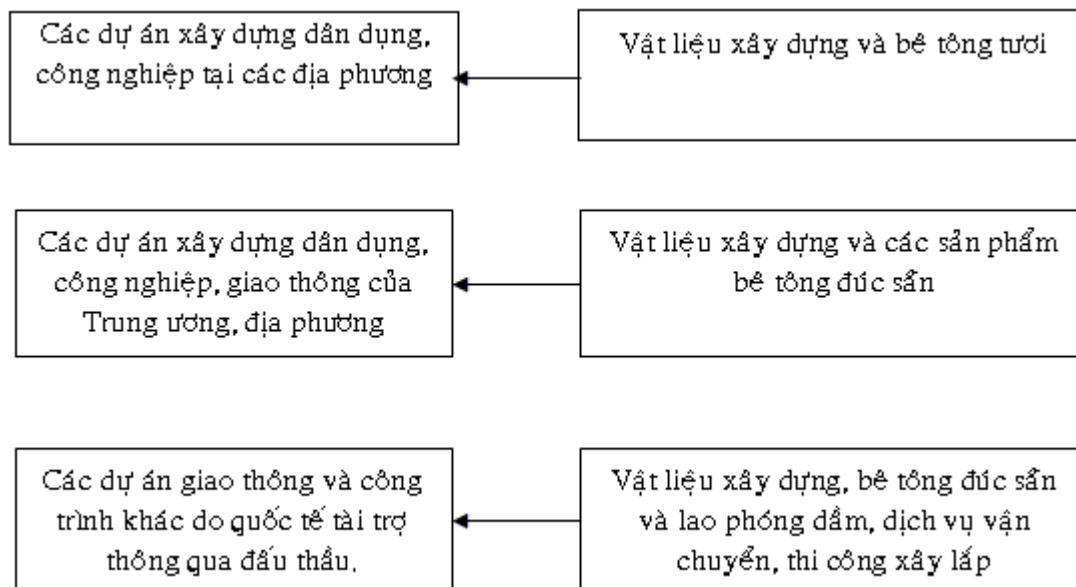
Theo chiến lược của Công ty: Trong năm 2001 và 2002 sẽ đa dạng hóa sản phẩm bê tông, thỏa mãn mọi yêu cầu của thị trường về chất lượng cũng như số lượng, đồng thời đáp ứng tiến độ thi công xây lắp các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp và giao thông. Công ty đã, đang và sẽ không ngừng đầu tư, đổi mới trang thiết bị, bồi dưỡng nâng cao tay nghề của đội ngũ kỹ sư, công nhân nhằm đáp ứng các nhu cầu của thị trường trong năm 2001 và 2002 như sau:

Chỉ tiêu	Khả năng đáp ứng			
	Năm 2001		Năm 2002	
	Sản lượng (tỷ đồng)	Giá trị (%)	Sản lượng (tỷ đồng)	Giá trị (%)
Dầm bê tông ứng suất trước	12.000	42	14.000	49
Cọc bê tông cốt thép và tiền áp	30.000	60	35.000	70
Đá xây dựng các loại	45.000	2,25	50.000	2,5

Tóm lược các thị trường mục tiêu của Công ty và nhu cầu sản phẩm:

Thị trường

Sản phẩm cung cấp



2.2. Khả năng tham gia thị trường của công ty

Để đáp ứng nhu cầu của thị trường đang khai thác cũng như thị trường mục tiêu, công ty đã tham gia một cách tích cực với sự đa dạng về chủng loại sản phẩm theo thiết kế của các công trình khác nhau. Các hoạt động và sản phẩm chính của Công ty bao gồm cả dịch vụ xây lắp đã và đang được triển khai ở các khu vực thị trường mục tiêu chủ yếu sau:

- Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam bao gồm: Thành phố Hồ Chí Minh - Bình Dương - Đồng Nai - Bà Rịa Vũng Tàu: Mục tiêu của Công ty đối với vùng này là các dự án cầu giao thông lớn nằm trên các trục lộ nối liền giữa các tỉnh và các tuyến quốc lộ đi qua vùng này. Công ty đã tham gia cung cấp, vận chuyển và lao phóng các loại bê tông, xây lắp cho 05 cầu trên quốc lộ 13 (Bình Dương), cầu Cỏ May (Vũng Tàu).
- Thành phố Hồ Chí Minh: Các dự án cầu vượt tại các giao lộ và hầm ngầm dành cho khách bộ hành đang được quy hoạch xây dựng để tránh ùn tắc giao thông. Công ty đã tham gia cung cấp những chủng loại đầm cọc bê tông, xây lắp và vận chuyển lao phóng cho các công trình như: cầu Bà Chiêm, cầu Dàn Xây, những cầu nông thôn tại Hóc Môn, quận 12. Công ty đang chuẩn bị cho việc cung cấp bê tông công trình cầu Nguyễn Văn Cừ, cầu Long Kiểng - Thành phố Hồ Chí Minh.
- Vũng Tàu: Công ty đang chuẩn bị để cung cấp bê tông cho công trình nhà máy điện Phú Mỹ với hơn 20.000m³ bê tông. Cảng Thị Vải là cảng nước sâu đang được xây dựng, tính đến khi hoàn tất, nơi này sẽ trở thành một khu vực phát triển công nghiệp nhộn nhịp kéo theo nhu cầu đầu tư rất lớn về hạ tầng giao thông và xây dựng dân dụng, công nghiệp. Công ty sẽ tham gia vào các dự án khi kế hoạch phát triển được hoạch định chi tiết.
- Đồng bằng sông Cửu Long: Tại các tỉnh thuộc khu vực đồng bằng sông Cửu Long, chủ trương của Chính phủ hiện nay là thay thế các cầu khỉ bằng cầu bê tông cốt thép vĩnh cửu, đầu tư các cảng trung chuyển phục vụ yêu cầu chế biến, xuất khẩu lương thực và nhập khẩu phân bón, hóa chất phục vụ nông nghiệp. Vì vậy trong những năm tới nhu cầu về bê tông và cọc ống phục vụ cho việc thi công xây dựng cầu, cảng sẽ rất lớn. Công ty đã tham gia nhiều công trình lớn như: Cầu Mỹ Thuận (đã cung cấp toàn bộ bê tông tươi, sản xuất và lao phóng đầm super T, sản xuất toàn bộ cọc bê tông cốt thép, thi công cầu chính..), cầu Long Toàn (Trà Vinh), và sẽ tham gia cung cấp bê tông cốt thép cũng như xây lắp các công trình trong kế hoạch như: Cầu Rạch Miễu (Bến Tre), tuyến quốc lộ 1 đoạn TP.HCM - Trung Lương (Tiền Giang), đường tỉnh 864 (Tiền Giang), quốc lộ 63 (Kiên Giang).

Đà Nẵng: Với dự án xây dựng nhà máy bê tông ở Đà Nẵng sẽ cho phép Công ty mở rộng

địa bàn hoạt động tại các tỉnh miền Trung và Lào.

3. Chiến lược kinh doanh

- Tiếp tục tận dụng và phát huy tốt những lợi thế về việc độc quyền cung cấp các loại đầm cầu lớn bằng bê tông ứng suất trước. Đồng thời cố gắng mở rộng chủng loại sản phẩm cũng như năng lực sản xuất của mình bằng cách đầu tư dây chuyền, công nghệ sản xuất hiện đại.

- Đầu tư nâng cao trình độ công nghệ nhằm đáp ứng khả năng tham gia vào các dự án lớn mang tầm vóc quốc tế do chủ đầu tư nước ngoài thực hiện.

- Song song với việc nâng cấp trang thiết bị sản xuất, Công ty cũng đã có những kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ cho đội ngũ kỹ thuật viên, công nhân và các cán bộ quản lý. Qua đó giúp Công ty cắt giảm chi phí sản xuất, nâng cao hiệu quả kinh doanh.

4. Kết quả hoạt động kinh doanh năm 1999; 2000 và 9 tháng đầu năm 2001

Chỉ tiêu	1999	2000	9 tháng đầu năm 2001	Ước thực hiện năm 2001
Tổng tài sản	108.289.502.672	153.686.011.433	165.822.094.258	175.597.804.430
Doanh thu thuần	147.950.727.000	134.185.395.288	76.081.234.910	133.832.180.006
Lợi nhuận trước thuế	17.055.294.000	11.603.906.233	8.020.718.480	10.737.112.426
Lợi nhuận sau thuế	13.356.972.000	8.702.929.673	7.013.478.765	9.394.973.373
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	0%	0%	0%	12%

Tình hình trả cổ tức: Do Công ty chính thức đi vào hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần vào tháng 01/2001. Vì vậy tính đến ngày 30/09/2001, Công ty chưa thực hiện bất cứ một đợt phân phối cổ tức nào.

5. Chứng khoán đăng ký lại

Tên cổ phiếu : **Cổ phiếu Công ty Cổ phần Bê tông 620 Châu Thới**

Loại cổ phiếu : **Cổ phiếu phổ thông**

Mệnh giá : **100.000 đồng**

Tổng số : **588.269 cổ phần**

Căn cứ theo Nghị định số 48/1998/NĐ - CP và hướng dẫn của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, mệnh giá cổ phiếu của Công ty Cổ phần Bê tông 620 Châu Thới sẽ được chia nhỏ làm 10 lần để phù hợp khi niêm yết tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán.

Giá dự kiến niêm yết : **11.476 VNĐ / Cổ phiếu**

Nguyên tắc định giá dự kiến niêm yết: Công ty sử dụng giá trị sổ sách Công ty vào thời điểm 30/09/2001 làm giá dự kiến niêm yết.

Mức cổ tức dự kiến năm 2001 là **12%**.

III. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO ẢNH HƯỞNG ĐẾN GIÁ CẢ CHỨNG KHOÁN PHÁT HÀNH

1. Rủi ro về kinh tế

Cạnh tranh ngày càng tăng, đặc biệt là trong lĩnh vực dịch vụ xây lắp: Sự phát triển kinh tế luôn đi đôi với các khoản đầu tư lớn vào hạ tầng cơ sở, điều này sẽ làm cho lĩnh vực dịch vụ xây lắp trở thành một thị trường hấp dẫn thu hút nhiều doanh nghiệp tham gia. Vì thế, trong tương lai, chắc chắn sẽ xuất hiện thêm một số công ty mới thành lập đồng thời các công ty đang hoạt động hiện nay sẽ có nhiều kinh nghiệm cũng như đầu tư công nghệ sản xuất hiện đại hơn. Do đó tính cạnh tranh sẽ trở nên khốc liệt hơn.

Những thay đổi trong quy hoạch tổng thể về xây dựng cơ sở hạ tầng của Chính phủ: Các dự án về cơ sở hạ tầng thường có vốn đầu tư rất lớn vì vậy hầu hết các dự án này đều mang tầm cỡ quốc gia. Với các dự án kế hoạch đầu tư của ngành giao thông vận tải từ năm 2001 đến 2005 như: Dự án cầu Rạch Miễu (600 tỷ đồng - mức độ tham gia xây lắp công trình của công ty hơn 80 tỷ đồng); đường cao tốc TP.HCM - Trung Lương (1.230 tỷ đồng - mức độ tham gia của công ty hơn 73 tỷ đồng)..., những dự án này nếu chậm triển khai theo đúng kế hoạch sẽ có ảnh hưởng rất lớn đến doanh thu và hiệu quả hoạt động của Công ty.

2. Rủi ro tỷ giá

Hiện nay các sản phẩm của công ty mới chỉ tập trung đáp ứng các nhu cầu của thị trường trong nước, do đó rủi ro tỷ giá không tác động trực tiếp đến doanh thu của công ty hiện tại. Tuy nhiên với việc phân lớn các trang thiết bị của Công ty đều nhập khẩu từ các nước Nhật, Mỹ, Hàn Quốc, Italy, Đức . và trong kế hoạch đầu tư của mình trong giai đoạn 2001 -2002, nhu cầu đầu tư vào trang thiết bị của Công ty là rất lớn (năm 2001 là 23,37 tỷ và năm 2002 là 13,70 tỷ); bên cạnh đó việc tham gia nhiều hơn nữa vào các dự án mang tầm quốc tế và phần đầu thực hiện việc xuất khẩu sản phẩm bê tông sang các nước trong khu vực Châu Á là những chiến lược mang tính đột phá của Công ty trong thời gian tới thì những biến động về tỷ giá hối đoái giữa đồng Việt Nam với các ngoại tệ mạnh (đặc biệt là Đôla Mỹ) sẽ có tác động nhất định đến hiệu quả kinh doanh của Công ty.

3. Rủi ro lãi suất

Do đặc thù trong lĩnh vực hoạt động: Các công trình xây dựng có quy mô lớn phát sinh thường xuyên nhu cầu về tín dụng ngắn hạn trong lúc việc quyết toán công trình thường kéo dài. Từ đó đòi hỏi phải tăng vay nợ nhiều hơn từ các tổ chức tín dụng. Vì thế biến động về lãi suất cũng có thể ảnh hưởng đến hiệu quả của Công ty.

4. Rủi ro liên quan đến hệ thống pháp lý

Mặc dù những năm qua, Việt Nam đã cố gắng xây dựng và đã hình thành nên một môi trường pháp lý được đánh giá là khá cởi mở. Nhưng việc hành lang pháp lý của Việt Nam chưa thật sự hoàn chỉnh và ổn định sẽ có tác động không tích cực đến hiệu quả kinh doanh của Công ty. Cụ thể: Những quy định về mức thuế suất thuế nhập khẩu các sản phẩm bê tông có thể ảnh hưởng đến khả năng cạnh tranh của Công ty đối với các Công ty nước ngoài sản xuất bê tông cùng loại; thuế nhập khẩu xi măng, sắt, thép sẽ ảnh hưởng đến chi phí sản xuất của Công ty; những chính sách ưu đãi của Nhà nước trong việc nhập máy móc thiết bị đối với các công ty ngành xây dựng.

5. Rủi ro lạm phát

Biến động về tỷ lệ lạm phát có thể ảnh hưởng đến nhu cầu xây dựng cũng như các nguồn vốn tài trợ phát triển chính thức (ODA) từ nước ngoài nhằm phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng của Việt Nam. Do đó cũng ảnh hưởng đến tình hình hoạt động của Công Ty.

Ngoài ra với tình hình thực tế tại Công ty : khi mức lạm phát tăng lên, công ty phải chi phí nhiều hơn để mua ngoại tệ thanh toán cho Hợp đồng tín dụng Đầu tư thiết bị thi công công trình được tài trợ bởi nguồn vốn ODA theo Hiệp định khung ký kết ngày 24/10/1997 giữa Chính phủ nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam và Chính phủ Nước Cộng Hòa

Nhân Dân Trung Quốc trị giá hơn 10 tỷ đồng trang bị cho Công Ty. Vì thế cũng tác động đến doanh thu, lợi nhuận hoạt động của Công ty.

6. Rủi ro liên quan đến biến động giá cổ phiếu niêm yết

Giá của một loại cổ phiếu sẽ được xác định bởi cung cầu của thị trường và mối quan hệ cung cầu này lại phụ thuộc vào nhiều yếu tố mang tính kinh tế lẫn tâm lý của nhà đầu tư trên bình diện vi mô lẫn vĩ mô nên giá của cổ phiếu Công ty Cổ phần Bê tông 620 Châu Thới khi niêm yết trên Trung tâm Giao dịch Chứng khoán cũng không nằm ngoài quy luật vận động đó. Vì vậy không có sự đảm bảo rằng những biến động trong giá cổ phiếu của Công ty sau khi niêm yết chỉ chịu tác động bởi những kết quả liên quan đến giá trị sổ sách, hoạt động kinh doanh, tổng tài sản, tình hình tài chính hoặc những tiêu chuẩn giá trị nội tại khác.

7. Rủi ro khác

Rủi ro về thiên tai, địch họa là những rủi ro ít xảy ra nhưng nếu xảy ra sẽ ảnh hưởng trực tiếp và gián tiếp đến hoạt động của Công ty.

IV. CÁC KHÁI NIỆM

UBCKNN : ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

Nghị định 48/CP : Nghị định số 48/1998/NĐ-CP ban hành ngày 11 tháng 07 năm 1998 của Chính phủ về Chứng khoán và Thị trường Chứng khoán

TTGDCK : Trung tâm Giao dịch Chứng khoán

ĐHĐCĐ : Đại hội đồng Cổ đông

HĐQT : Hội đồng Quản trị Công ty

620 - CCC : Tên tiếng Anh được viết tắt của Công ty Cổ phần Bê tông 620 - Châu Thới (620 – Chau Thoi Concrete Corporation)

Công ty phát hành : Công ty Cổ phần Bê tông 620 - Châu Thới

ĐKKD : Đăng ký kinh doanh

Công ty : Công ty Cổ phần Bê tông 620 - Châu Thới

UBND : Ủy ban nhân dân

V. CHỨNG KHOÁN ĐĂNG KÝ LẠI

1. Tổng vốn điều lệ đăng ký của Công ty là : 69.300.000.000 đồng Việt Nam;

2. Loại chứng khoán : Cổ phiếu phổ thông;

3. Mệnh giá : 100.000 đồng/cổ phần

Căn cứ vào Nghị định số 48/1998/NĐ-CP và các hướng dẫn của UBCKNN, mệnh giá cổ phiếu của Công ty Cổ phần Bê tông 620 - Châu Thới sẽ được chia nhỏ làm 10 lần để phù hợp khi niêm yết tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán;

4. Tổng số cổ phiếu xin đăng ký lại để niêm yết là : 5.882.690 cổ phiếu với mệnh giá là 10.000 đồng Việt Nam/1 cổ phiếu.

Số lượng cổ phiếu ngân quỹ mà công ty đã mua lại là 1.047.310 cổ phiếu sẽ được phát hành qua thị trường thứ cấp khi công ty có nhu cầu về vốn và sẽ tuân thủ các quy định về phát hành cổ phiếu của UBCKNN.

5. Cơ cấu sở hữu cổ phần theo vốn đăng ký lại để niêm yết là 5.882.690 cổ phiếu như sau:

Nhà nước nắm giữ: 2.940.000 cổ phần, chiếm 49,98% vốn điều lệ. Số lượng cổ đông là 05.

Cổ đông là CBCNV Công ty nắm giữ : 518.870 cổ phần, chiếm 8,82% vốn điều lệ. Số lượng cổ đông là 201.

Cổ đông là người Việt Nam ngoài Công ty nắm giữ 2.423.820 cổ phần, chiếm 41,20% vốn điều lệ; số lượng cổ đông bên ngoài tính đến ngày 27/07/2001 là 309 người.

6. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài:

Điều lệ Công ty không quy định về giới hạn sở hữu của bên nước ngoài. Việc bán cổ phần cho nhà đầu tư nước ngoài tuân thủ các quy định của pháp luật Việt Nam. Tính đến ngày 30/09/2001, cơ cấu cổ phần công ty chưa có sự tham gia của bên nước ngoài với tư cách là cổ đông công ty.

7. Các loại thuế có liên quan:

Theo quy định của Thông tư số 74/2000/TT-BTC ban hành ngày 19/07/2000 của Bộ tài chính đối với các tổ chức phát hành có chứng khoán được niêm yết, ngoài việc được hưởng các ưu đãi về thuế phù hợp với quy định của Luật Thuế hiện hành, Công ty còn được giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong hai năm tiếp theo kể từ khi niêm yết chứng khoán lần đầu tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán.

Cũng theo thông tư trên, các cá nhân đầu tư chứng khoán tạm thời được miễn thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao có được từ việc hưởng cổ tức, lãi trái phiếu, chênh lệch giá mua bán chứng khoán.

VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT ĐĂNG KÝ LẠI

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

1. Công ty Tư vấn Kiểm toán Grant Thornton

Địa chỉ : Lầu 12, tòa nhà SunWah Tower - 115 Nguyễn Huệ, Quận 1, TP.HCM

Điện thoại : 08.8219277 Fax. : 08.8219276

(Tham gia kiểm toán báo cáo tài chính kết thúc năm 1999 theo chương trình kiểm toán và tư vấn miễn phí do Ngân hàng phát triển Châu Á tài trợ - chương trình TA VIE 3354 theo công văn số 159/UBCK2 do UBCKNN ban hành ngày 01/11/2000 về việc tham gia chương trình kiểm toán).

2. Công ty Tư vấn Tài chính Kế toán Sài Gòn (AFC)

Địa chỉ : 138 Nguyễn thị Minh Khai, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại : 08.9303437 Fax : 08.9303365

Tham gia kiểm toán báo cáo tài chính năm 2000 và 09 tháng đầu năm 2001. Quyết định số 48/2000/QĐ-UBCK2 chấp thuận tổ chức kiểm toán độc lập được kiểm toán các tổ chức phát hành và kinh doanh chứng khoán do UBCKNN cấp ngày 19/06/2000.

TỔ CHỨC TƯ VẤN:

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất (FSC)

Trụ sở : 09 Hoàng văn Thụ, Khu Chánh Nghĩa, Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

Điện thoại : 0650.832614~15 Fax : 0650.832616

Chi nhánh tại TP.HCM:

Địa chỉ :208 D-E Hùng Vương, P.15, Q. 05, TP.HCM

Điện thoại : 08.9554938~39, 9554941 Fax: 08.9554940

E-mail : ctydenhat@hcm.vnn.vn <http://www.fsc.com.vn>

- Giấy phép thành lập số 0249/GP-UB do UBND tỉnh Bình Dương cấp ngày 18/10/1999.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 060250 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư tỉnh Bình Dương cấp ngày 28/12/1999.
- Giấy phép hoạt động do UBCKNN cấp ngày 08/04/2000.

VII. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty

- Được thành lập từ năm 1958 bởi tập đoàn xây dựng RMK của Mỹ với tên gọi ban đầu "Công trường Đúc bê tông tiền áp Châu Thới", sản phẩm của Công trường lúc bấy giờ chỉ bao gồm các loại dầm cầu nhằm cung cấp cho các công trình thi công cầu đường tại các tỉnh miền Nam trước đây mà RMK trúng thầu thi công.
- Sau năm 1975, được Nhà nước tiếp quản và sáp nhập vào Phân Cục Quản lý Đường bộ Miền Nam theo Văn bản số 761/QĐ-TC ngày 06/08/1976 của Bộ Giao thông Vận tải với tên gọi Xưởng Bê tông Châu Thới trực thuộc Phân cục Quản lý đường bộ Miền Nam - Cục Quản lý đường bộ.
- Ngày 15/03/1977, Bộ Giao thông Vận tải ra Quyết định số 755/QĐ-TC đổi tên Xưởng Bê tông thành Nhà máy Bê tông trực thuộc Phân Cục Quản lý Đường bộ miền Nam - Cục Quản lý đường bộ.
- Ngày 17 tháng 05 năm 1993 Bộ Giao thông Vận tải có Quyết định số 942/QĐ/TCCB-LĐ về việc thành lập Công ty Bê tông 620 (doanh nghiệp Nhà nước) trực thuộc Tổng công ty Xây dựng Công trình 6 (CIENCO 6) thuộc Bộ Giao Thông Vận Tải.
- Đến ngày 28 tháng 03 năm 2000 Công ty chuyển sang hình thức công ty cổ phần theo Quyết định số 41/2000/QĐ - TTG ngày 28 tháng 03 năm 2000 của Thủ tướng Chính phủ với tên gọi là Công ty Cổ phần Bê tông 620 - Châu Thới.
- Ngày 29 tháng 11 năm 2000, Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất được tổ chức và sau đó Công ty đã tiến hành đăng ký kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4603000013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp ngày 05/01/2001. Từ đây, Công ty Cổ phần Bê tông 620 - Châu Thới chính thức đi vào hoạt động theo hình thức công ty cổ phần với tổng số vốn điều lệ đăng ký là 58.800.000.000 VNĐ.

- Sản phẩm dịch vụ của Công ty trong những năm gần đây được mở rộng rất nhiều so với ban đầu khi thành lập và ngày càng phong phú đa dạng hơn: từ việc sản xuất cấu kiện bê tông đúc sẵn, gia công các sản phẩm cơ khí cho đến trực tiếp thi công xây dựng các công trình giao thông, dân dụng, bến cảng, công nghiệp, vận chuyển sản phẩm đến địa điểm thi công và kinh doanh, xuất nhập khẩu các loại vật liệu xây dựng, cung cấp và vận chuyển các loại bê tông tươi, bê tông siêu trường, siêu trọng..vv..

Những công trình trong lĩnh vực xây dựng cơ bản mà Công ty đã, đang thực hiện:

+ Cầu Mỹ Thuận: năm 1997, Công ty Bê tông 620 là nhà thầu phụ của Công Ty Xây Dựng công trình Baulderstone Hornibrook Engineering Pty Ltd (BHE) của Úc trong việc xây dựng công trình cầu Mỹ Thuận - một trong những cầu cáp treo hiện đại nhất, lớn nhất Việt Nam. Đây là dự án có tổng trị giá 91 triệu AUD (Dollar Úc). Do quá trình hợp tác giữa 02 bên rất tốt nên công trình đã hoàn thành trước thời hạn quy định 06 tháng. Trong công trình này, Công ty Bê tông 620 đã cung cấp toàn bộ hơn 60.000m³ bê tông tươi, sản xuất, vận chuyển, lao phóng dầm bê tông dự ứng lực Super T, thi công các trụ cầu và xà mũ cho cầu dẫn. Ngoài ra Công ty còn tham gia vào việc xây dựng cầu chính, trụ cầu, sàn cầu, dải phân cách và lề đường cho cả cầu chính và cầu dẫn;

+ 03 cầu Khải Hai, Sông Quao và Đạo Long II trên tuyến tránh Phan Rang với công nghệ đúc dầm kéo sau và cọc khoan nhồi đường kính 1.000. Các công trình cầu do Công ty đảm trách thi công đều được các Ban quản lý, các nhà thầu nước ngoài đánh giá cao về chất lượng cũng như tiến độ thi công công trình.

+ Cầu Bến Sắn, cầu Cây Quáo, cầu Phan Đình Phùng, hai cầu trên kênh D - Đồng An - Sóng Thần tại tỉnh Bình Dương, góp phần xây dựng và phát triển giao thông tại địa phương.

+ Cầu Giồng Ông Tố, Cầu Mỹ Thủy tại TP. HCM: Cầu Giồng Ông Tố với 15 nhịp dầm bê tông tiền áp loại I 24.54m và 1 nhịp dầm bê tông tiền áp loại I 33m có kinh phí hơn 20 tỷ đồng. Cầu Mỹ Thủy với 5 nhịp dầm I 24.54m kinh phí hơn 5 tỷ đồng. Ngoài ra, Công ty còn tham gia cùng CIENCO 6 thi công cầu Dàn Xây, huyện Cần Giờ với công việc cung cấp dầm khung T trong thời gian sản xuất kỷ lục là 2 tháng.

+ Tại các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long: Cầu Quay tại TP. Mỹ Tho - tỉnh Tiền Giang, hiện nay Công ty cũng đang thi công tổng cộng 17 công trình cầu lớn nhỏ các loại ở Kiên Giang, thi công khu bờ kè cho công trình lấn biển ở Hà Tiên dài hơn 13 Km cũng như đang thi công tổng cộng 6 công trình phục vụ giao thông nông thôn tại Sóc Trăng và cầu Long Toàn trị giá 27 tỷ đồng tại Trà Vinh.

+ Ngoài ra còn rất nhiều Công trình khác

2. Cơ cấu tổ chức Công ty

- Với hơn 40 năm hình thành và phát triển trên địa bàn miền Đông Nam Bộ, Công ty Bê tông 620 đã không ngừng lớn mạnh và trở thành một trong những công ty lớn nhất trong lĩnh vực bê tông đúc sẵn. Văn phòng Giao dịch của Công ty hiện nay được đặt tại:

Địa chỉ : Km 1877, Quốc lộ 1K, xã Bình An, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương
Điện thoại : 0650.751617 / 750065 Fax: 0650.751628

- Các xưởng liên quan: Xưởng bê tông số 1 (Bê tông cốt thép); Xưởng bê tông số 2 (Sản xuất dầm, cọc); Xưởng bê tông số 3 (sản xuất cọc, ống cống); Xưởng bê tông số 4 (bê tông tươi); Xưởng đá nguyên liệu, đá thành phẩm.

Địa chỉ : Km 1877, Quốc lộ 1K, xã Bình An, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương
Điện thoại : 0650.751617 / 750065 Fax: 0650.751628

- Các đội xây dựng công trình với những văn phòng tạm thời được linh động tại các công trường xây dựng nhằm giải quyết nhanh chóng, kịp thời và giám sát chặt chẽ tiến độ thực hiện công trình.

- Ngoài ra do đặc điểm về loại hình sản phẩm của Công ty rất phức tạp trong quá trình vận chuyển và lắp đặt, địa bàn hoạt động trải rộng khắp các tỉnh Nam Bộ nên Công ty đã tổ chức lực lượng thi công theo mô hình các đội xây dựng cơ động: Đội xây dựng số 1; Đội xây dựng số 2; Đội xây dựng số 3. Vì vậy tại các địa phương có công trình, Công ty bố trí các văn phòng tạm (Temporary office) để chỉ đạo linh hoạt tại các công trường xây dựng mà Công ty tham gia nhằm nhanh chóng giải quyết ngay tại chỗ những phát sinh trong quá trình thi công, qua đó giúp Công ty luôn đảm bảo được tiến độ thi công của dự án.

- Nhằm mở rộng hoạt động kinh doanh, tiếp cận tốt hơn với khách hàng trong nước cũng như các nhà thầu nước ngoài, trong tháng 9 năm 2001, Công ty đã mở Văn phòng đại diện tại TP. Hồ Chí Minh phục vụ giao dịch với khách hàng và tiếp thị sản phẩm. Qua đó, mở rộng mối quan hệ và đáp ứng nhu cầu phát triển của Công ty trong tương lai:

Địa chỉ : Số 35 Nguyễn Văn Đậu, F6, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh.
Điện thoại : 08.5152478~79 Fax.: 08.8440520

3. Sơ đồ tổ chức bộ máy công ty

- Công ty Cổ phần Bê tông 620 - Châu Thới là một đơn vị hạch toán độc lập, tự chịu trách nhiệm hữu hạn đối với các khoản nợ trong phạm vi số vốn góp, tự chịu trách nhiệm về kết quả kinh doanh, hoạt động vì lợi ích Công ty, vì cổ đông - những người đầu tư vào Công ty.

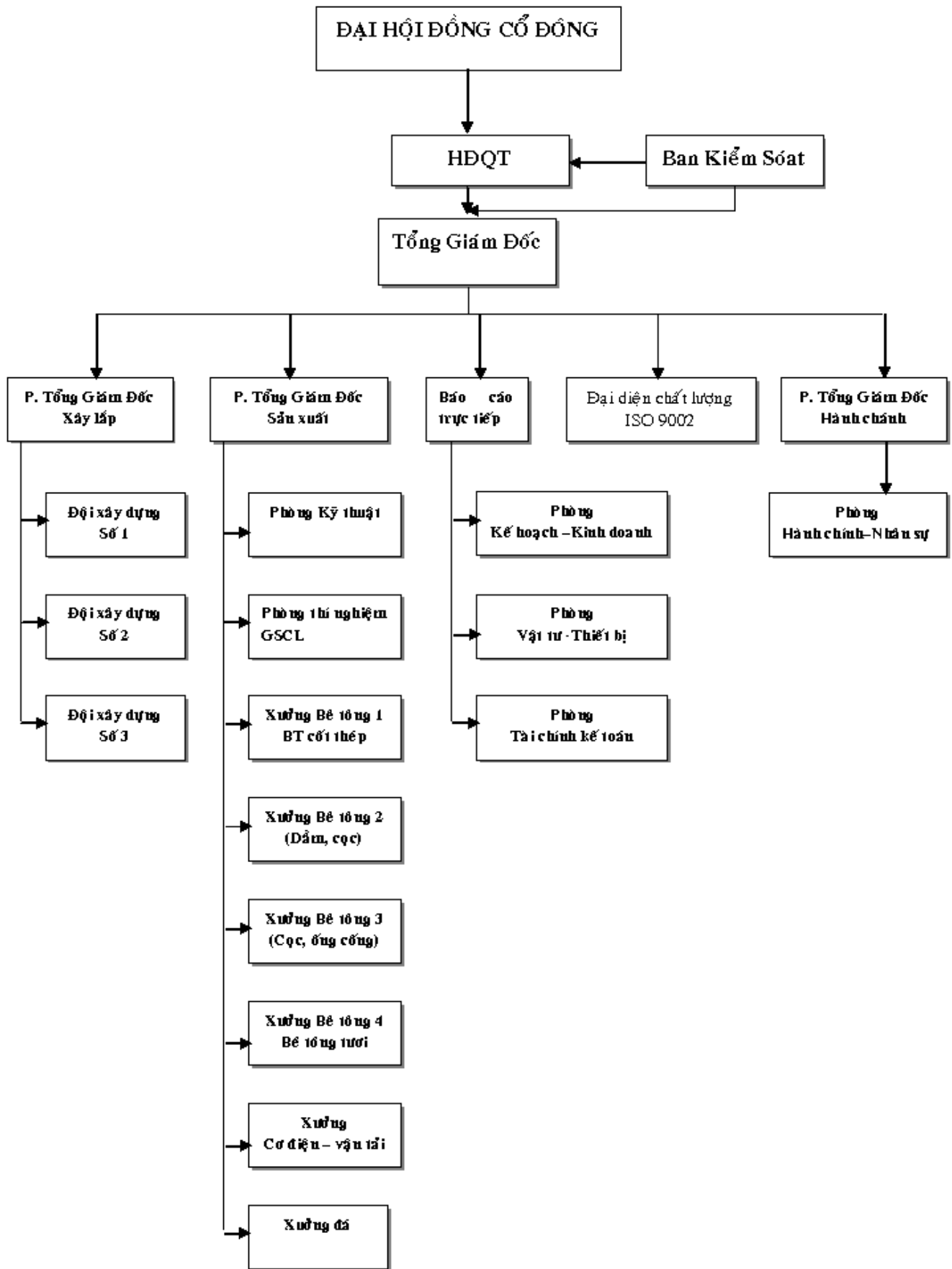
- Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty, bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết (quyền hạn và trách nhiệm được ghi rõ trong Điều lệ Công ty).

- HĐQT là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty (theo Điều lệ Công ty quy định).

- Ban Kiểm soát thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành Công ty.

- Tổng Giám đốc và bộ máy giúp việc Công ty (quyền hạn và trách nhiệm được ghi rõ trong Điều lệ Công ty).

- Cơ cấu Công ty hiện tại chia làm 3 phòng và 3 phân ban báo cáo trực tiếp cho Tổng Giám đốc. Cơ cấu này có thể sẽ thay đổi trong tương lai, ngoài ra Công ty còn có cơ cấu dự phòng, sẽ được áp dụng trong trường hợp Công ty có nhiều dự án.



4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty

Trừ 05 thành viên HĐQT hiện đang nắm giữ 49,98% vốn cổ phần đại diện Nhà nước, không còn cổ đông nào nắm giữ từ 5% trở lên vốn điều lệ của Công ty.

STT	Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ nắm
-----	-----	---------	-----------

			giữ
1	Ông Nguyễn Hùng	418/2B Nguyễn Kiệm, Q. Phú Nhuận, Tp.HCM	9,995%
2	Ông Trần Khắc Lợi	42/4 Cô Bắc, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương	10,002%
3	Ông Phạm Đức Trí	23 Lê Quý Đôn, Q. 3, Tp.HCM	10,029%
4	Ông Phan Xuân Đạt	346/5 Nơ Trang Long, Q. Bình Thạnh, Tp.HCM	9,995%
5	Bà Huỳnh Thị Thanh Hà	478 Hai Bà Trưng, Q. 1, Tp.HCM	10,013%

5. Hoạt động kinh doanh

5.1. Giá trị sản phẩm, dịch vụ năm 1999, 2000 và 9 tháng đầu năm 2001

Chỉ tiêu	1999		2000		30/09/2001		2001*	
	Giá trị	Tỷ lệ /DT(%)	Giá trị	Tỷ lệ /DT(%)	Giá trị	Tỷ lệ /DT(%)	Giá trị	Tỷ lệ /DT(%)
1. Doanh thu (DT) dịch vụ xây lắp	63,84	43,15	48,77	36,34	6,16	8,10	29,50	22,05
2. Doanh thu sản phẩm bê tông	77,68	52,50	74,78	55,73	61,90	81,36	92,75	69,32
3. Doanh thu vận chuyển và lao phóng	3,99	2,70	7,98	5,95	6,28	8,25	8,9	6,6
4. Doanh thu vật liệu xây dựng	0,48	0,32	0,31	0,23	0,12	0,16	0,84	0,63
5. Doanh thu sản phẩm đá	1,96	1,33	2,35	1,75	1,62	2,13	1,77	1,4
Tổng doanh thu	147,95	100%	134,19	100%	76,08	100%	133,8	100%
Lợi nhuận sau thuế	13,36		8,70		7,01		9,4	

(2001* : Ước thực hiện năm 2001)

5.2. Chủng loại sản phẩm chính

Các loại dầm cầu:

- Các loại dầm bê tông cốt thép dự ứng lực dạng I và T, tải trọng nhỏ được thiết kế theo:

Tiêu chuẩn thiết kế đường giao thông nông thôn 22 TCN - 210 - 92 ngày 01 tháng 01 năm 1998 của Bộ Giao thông Vận tải.

Quy trình thi công và nghiệm thu dầm cầu bê tông cốt thép dự ứng lực 22 TCN-47 - 98 ngày 30 tháng 03 năm 1998 của Bộ Giao thông Vận tải.

- Các loại dầm bê tông tiền áp 24.54m; 24.7m; 33m; Super T

Các loại cọc bê tông cốt thép : Cọc vuông, cọc ván dự ứng lực, cọc ly tâm, cọc tiền áp các cỡ.

Các loại công ly tâm các cỡ

Bê tông tươi các loại : M150-200-250-300, bê tông siêu trường, siêu trọng các loại.

Đá xây dựng các loại : đá 054; 152; 358; 456

Giá trị sản lượng của từng loại sản phẩm và dịch vụ của năm 2000, ước thực hiện 2001 được cụ thể:

Mặt hàng	%trong tổng giá trị sản lượng năm 2000	Giá trị sản lượng năm 2000	% trong tổng giá trị sản lượng năm 2001	Giá trị sản lượng năm 2001
Bê tông	67,23%	111,666 tỷ	68,47%	116,151 tỷ
Sản phẩm đá các loại	1,67%	2,766 tỷ	1,27%	2,156 tỷ
Dịch vụ xây lắp	26,40%	43,785 tỷ	24,98%	42,373 tỷ
Vận chuyển và lao phóng	4,70%	7,871 tỷ	5,28%	8,969 tỷ
Tổng cộng	100%	166,088 tỷ	100%	169,649 tỷ

5.3. Thị trường cung cấp nguyên vật liệu

- Hầu hết tất cả các loại nguyên vật liệu đều được sản xuất trong nước: do Công ty đã thực hiện hệ thống Quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9002 nên tất cả các nhà cung cấp nguyên vật liệu phục vụ cho quá trình sản xuất, thi công đều phải được Hội đồng (bao gồm lãnh đạo Công ty; Phòng Thí nghiệm và Giám sát chất lượng; Phòng Kế hoạch kinh doanh) đánh giá và chấp thuận trước khi cung cấp.

- Những nhà cung cấp nguyên vật liệu lớn và thường xuyên của Công ty:

- Cáp dự ứng lực : SCT Co.
- Sắt tròn : Công ty Vinakeyoei, Vinausteel, VSC - Posco, Tổng công ty thép Miền Nam.
- Sắt hình các loại : Xí nghiệp sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng Số 1, Công ty thép Việt.
- Phụ gia cho bê tông: Xí nghiệp SIKA Viet Nam.
- Xi măng các loại : Công ty Chinfon Hải Phòng, Công ty liên doanh Sao Mai, Công ty trách nhiệm hữu hạn Luks Ximăng.
- Cát : Xí nghiệp cát Biên Hòa.
- Đá các loại : tự khai thác và sản xuất.

- Tất cả các nhà cung cấp trên đã cung cấp ổn định, thường xuyên cho Công ty từ năm 1998 đến nay và rất có uy tín trên thị trường.

- Do đặc thù sản phẩm của Công ty nên tỷ trọng chi phí nguyên vật liệu chiếm trung bình trên 70% trong giá thành sản phẩm bê tông. Cụ thể tỷ lệ này trong năm 1999 là 72,28%;

năm 2000 là 70,06% và 9 tháng đầu năm 2001 là 75,28%. Vì vậy những biến động trong giá cả nguyên vật liệu trước nhất ảnh hưởng mạnh đến giá thành sản phẩm và tất yếu đến lợi nhuận của Công ty. Kế đến, những biến động trong giá cả nguyên vật liệu sẽ tác động đến khả năng cạnh tranh trong giá thành sản phẩm của Công ty trên thị trường và từ đó ảnh hưởng đến doanh thu.

5.4. Máy móc thiết bị sản xuất chính

- Nói đến công nghệ là nói đến một vũ khí cạnh tranh hiệu quả nhất đối với các nhà sản xuất trong nền kinh tế thị trường. Nhận thức rõ điều này, Công ty đã rất quan tâm đến việc đầu tư vào công nghệ sản xuất ngay từ khi mới thành lập và đặc biệt là trong những năm của thập niên 90.

- Trong thời gian hoạt động trước 1975 của mình, Công ty được thừa hưởng những trang thiết bị, công nghệ thi công hiện đại nhất thời bấy giờ của Mỹ do tập đoàn RMK cung cấp. Sau 1975 trong quá trình hoạt động của mình Công ty không ngừng trang bị thêm các máy móc thiết bị hiện đại và bổ sung các công nghệ thi công lắp đặt tiên tiến từ các nước có nền công nghệ xây dựng cơ sở hạ tầng phát triển nhất như Mỹ, Đức, Nhật, Ý...nhằm đáp ứng tối ưu những yêu cầu về mặt chất lượng, kỹ thuật của các dự án đầu tư trong nước và quốc tế trong tiến trình phát triển và hội nhập của Việt Nam theo xu hướng khu vực và toàn cầu hóa. Cụ thể, Công ty đã mạnh dạn đầu tư trang bị thêm các thiết bị hiện đại chuyên dùng trong lĩnh vực sản xuất bê tông đúc sẵn như trạm trộn bê tông (hiện nay Công ty đang vận hành 02 trạm trộn bê tông thuộc thế hệ hiện đại nhất tại Việt Nam), xe vận chuyển và trộn bê tông tươi (không có công ty nào trên thị trường có đội ngũ xe hùng hậu như Công ty Bê tông 620, với 21 xe, công suất 6m³/xe/1 lần vận chuyển), xe cầu tự hành và các xe máy, thiết bị thi công khác, kể cả việc nhập các công nghệ tiên tiến phục vụ cho sản xuất. Bên cạnh đó, Công ty còn đầu tư để hiện đại hóa phòng thí nghiệm chuyên ngành vật liệu xây dựng theo công nghệ hiện đại theo tiêu chuẩn ASTM của Mỹ.

- Hiện nay, các sản phẩm bê tông cốt thép do Công ty Cổ phần Bê tông 620 cung cấp trên thị trường đều được sản xuất trên mặt bằng hơn 260.000m² cạnh núi Châu Thới với một dây chuyền công nghệ khép kín hoàn chỉnh từ khâu gia công cốt thép, cung cấp bê tông tươi, gia công khuôn mẫu đến khâu đúc bê tông và các dịch vụ khác như: vận chuyển lao lắp và xây dựng công trình.. Nhờ có sự đầu tư đổi mới công nghệ và mở rộng mặt bằng sản xuất từ năm 1996 đến nay công suất sản xuất sản phẩm của Công ty đã tăng gấp nhiều lần (từ 15.000 m³ bê tông/năm lên 60.000 m³ bê tông/năm).

Sản phẩm do Công ty sản xuất là những sản phẩm bê tông đòi hỏi trình độ công nghệ, kỹ thuật và kỹ năng tay nghề cao như: dầm Super T dài đến 40m, nặng 80 tấn; cọc ván bê tông dự ứng lực dài 15 m; ống thép bọc bê tông cho các công trình đường ống dẫn dầu, khí dưới biển. Đây là những sản phẩm mà hiện nay trên thị trường Việt Nam không có một công ty nào sản xuất được. Điều này đã thể hiện sự vượt trội trong công nghệ cũng như kỹ thuật của Công ty Bê tông 620 đối với các công ty cùng ngành.

Ngoài ra để đáp ứng cho thị trường to lớn của các sản phẩm cọc ống bê tông cốt thép dự ứng lực (do tính năng ưu việt của kết cấu dạng ống tròn) nên từ đầu năm 2001, Công ty đã đầu tư một dây chuyền sản xuất cọc ống bê tông cốt thép dự ứng lực hoàn chỉnh (công nghệ sản xuất mới nhất của Thái Lan) với giá trị đầu tư trên 11,2 tỷ đồng và dự kiến sẽ đi vào hoạt động vào cuối năm 2001. Nhờ đó, Công ty đã trở thành một trong những đơn vị hàng đầu của Việt Nam trong lĩnh vực sản xuất cấu kiện bê tông đúc sẵn và thi công các công trình giao thông. Đặc biệt, Công ty còn hoạt động mạnh trong các lĩnh vực thi công các công trình cầu, cảng và nền móng trên hầu hết địa bàn các tỉnh phía Nam. Công ty đã trở thành một địa chỉ quen thuộc cho các chủ đầu tư không những trong nước mà còn cho cả các chủ đầu tư nước ngoài khi họ tham gia thực hiện các dự án xây dựng tại Việt Nam.

STT	Danh mục	Nước	Nguyên giá	Khấu hao	Giá trị còn lại	Tỷ lệ
------------	-----------------	-------------	-------------------	-----------------	------------------------	--------------

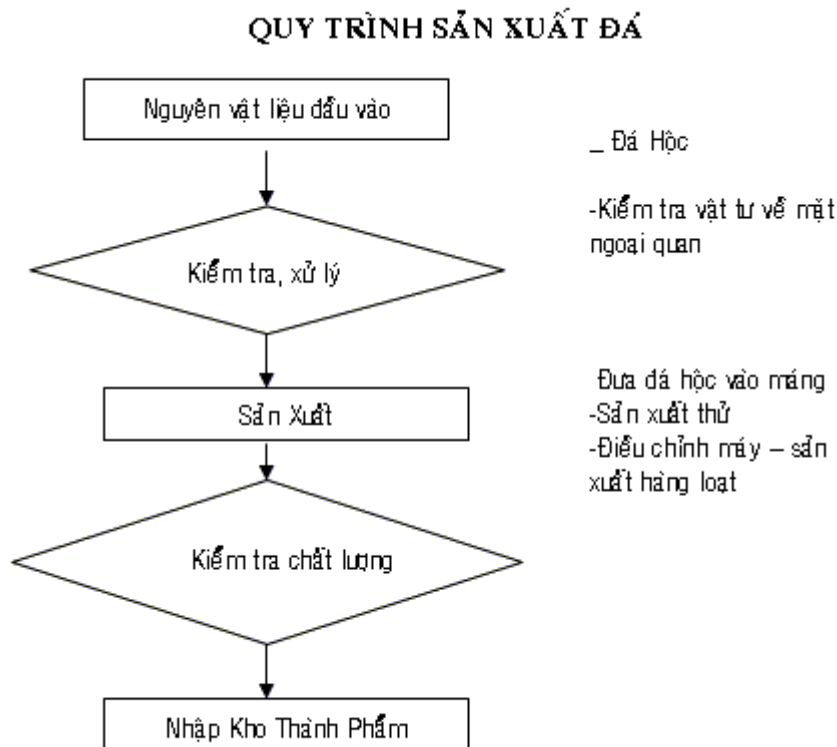
		sản xuất		lũy kế		(%)
1	Nhà xưởng, văn phòng	Việt Nam	3.325.519.943	739.647.971	2.585.871.972	77,76
2	Kho tàng	Việt Nam	1.105.266.292	618.449.688	486.816.604	44,05
3	Khuôn đúc sản phẩm	Việt Nam	1.031.695.929	254.809.560	776.886.369	75,30
4	Máy trộn TEKA	Đức	2.416.592.793	2.416.592.793	0	0,00
5	Máy trộn ORU	Ý	2.925.283.388	1.691.138.355	1.234.145.033	42,19
6	Xe trộn bê tông Ssangyang	Hàn Quốc	2.321.464.000	905.320.155	1.416.143.845	61,00
7	Công trục 40T	Việt Nam	2.506.496.000	1.038.018.341	1.468.477.659	58,59
8	Công trục 20T	Việt Nam	878.000.000	337.542.216	540.457.784	61,56
9	Trạm bơm bê tông	Trung Quốc	1.327.704.448	495.405.363	832.299.085	62,69
10	Công trục 30T	Việt Nam	680.000.000	194.285.713	485.714.287	71,43
11	Máy tạo khung lồng cọc BT	Hàn Quốc	1.834.705.597	262.100.800	1.572.604.797	85,71
12	Kích căng cáp YCW 150T	Trung Quốc	516.824.967	73.832.138	442.992.829	85,71
13	Búa Diesel M35	Nhật	226.666.667	32.380.952	194.285.715	85,71
14	Công trục 50T	Việt Nam	1.718.181.818	245.454.545	1.472.727.273	85,71
15	Búa KC25	Nhật	226.666.667	24.285.714	202.380.953	89,29
16	Trạm trộn Nichi	Nhật	1.310.938.095	0	1.310.938.095	100,00
17	Trạm trộn Nichi	Nhật	1.754.503.039	0	1.754.503.039	100,00
18	Trạm trộn Liên Xô (cũ)	Liên Xô (cũ)	700.000.000	433.222.227	266.777.773	38,11
19	Cần trục 2315T	Việt Nam	1.205.904.756	0	1.205.904.756	100,00
20	Cần cẩu PH25	Mỹ	250.000.000	243.749.996	6.250.004	2,50
21	Cần cẩu PH	Mỹ	581.600.000	530.709.995	50.890.005	8,75

22	Cần cẩu KRUPP	Đức	2.701.318.000	1.196.584.094	1.504.734.506	55,70
23	Cần cẩu MDK	Đức	821.600.000	298.058.220	523.541.780	63,72
24	Cần cẩu TADANO	Nhật	984.603.000	232.410.857	752.192.743	76,40
25	Thiết bị vận chuyển, nâng, xúc . khác	Các nước	8.058.839.739	5.626.760.005	2.432.079.734	30,18
26	Dụng cụ đo lường thí nghiệm	Các nước	1.169.581.290	621.287.391	548.293.899	46,88
Gj, trP			42.579.956.428	18.512.045.889	24.067.910.539	56,52

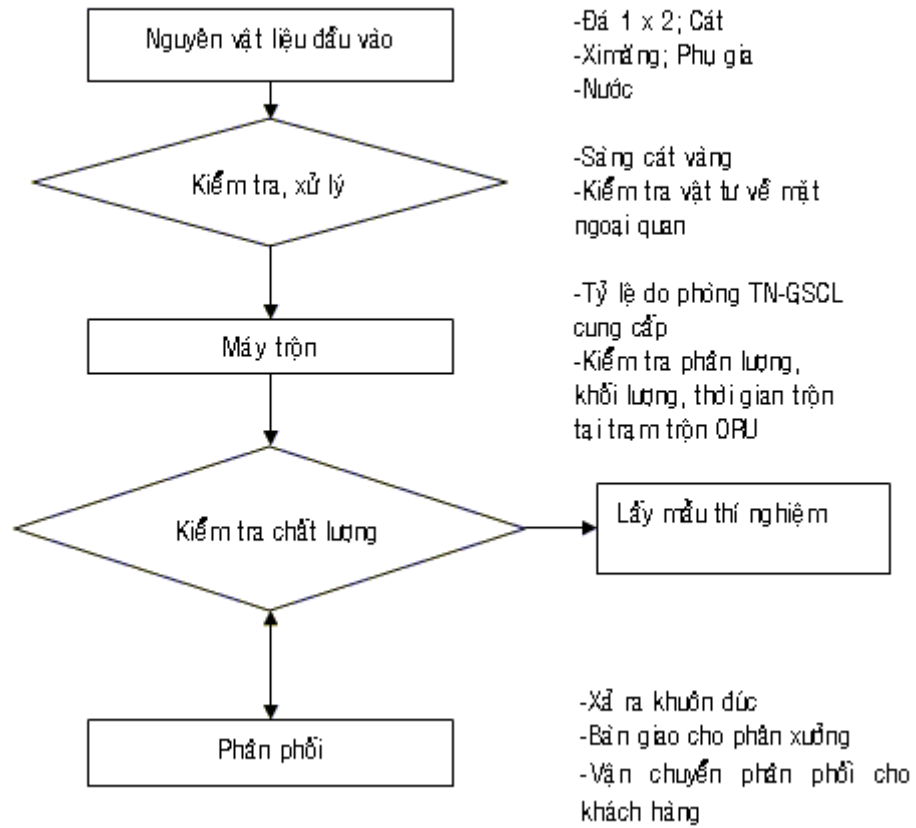
Các loại máy móc thiết bị sản xuất bao gồm xe trộn bê tông, máy xay đá, máy quay ly tâm, cầu, ...được sản xuất trong những năm 90, là thế hệ tương đối hiện đại từ các nước Mỹ, Nhật Bản, Hàn Quốc, Đức đảm bảo theo các yêu cầu trong sản xuất, thi công công trình cũng như chất lượng sản phẩm. Công suất khai thác bình quân hiện nay của các thiết bị máy móc dùng trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp (sản xuất bê tông và sản xuất đá) là trên 70% công suất; trong lĩnh vực xây lắp công trình là trên 50% công suất thiết kế.

5.5 Các quy trình và dây chuyền sản xuất chính

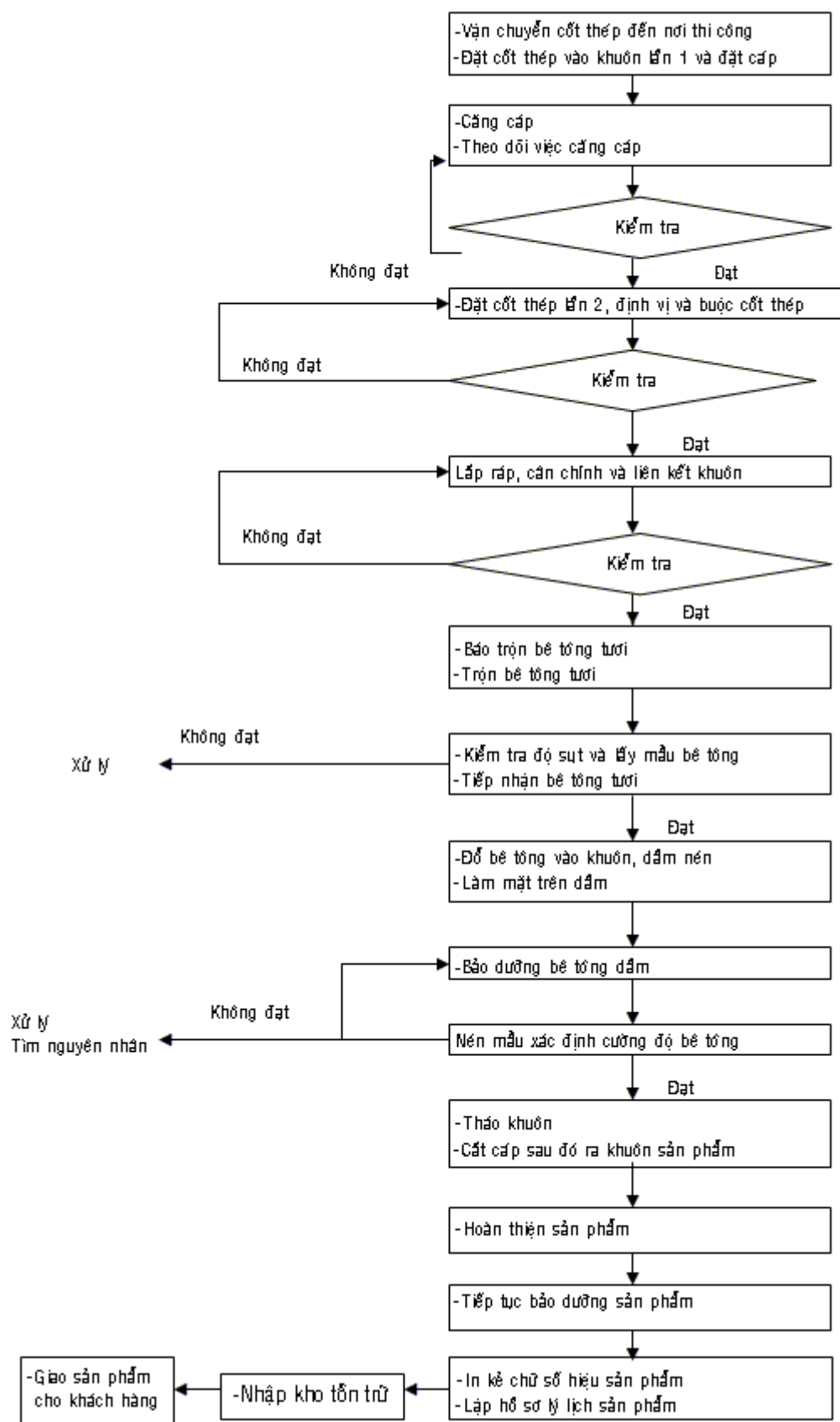
- Theo thiết kế kỹ thuật và đặc tính của các sản phẩm Công ty, ngoài sản phẩm đá và bê tông tươi có quy trình sản xuất tương ứng với một dây chuyền riêng biệt. Các sản phẩm còn lại đều phải trải qua nhiều công đoạn trong nhiều dây chuyền khác nhau để ra được thành phẩm. Do đó, hiện tại Công ty đang vận hành 5 dây chuyền sản xuất chính.



QUY TRÌNH SẢN XUẤT BÊ TÔNG TƯƠI

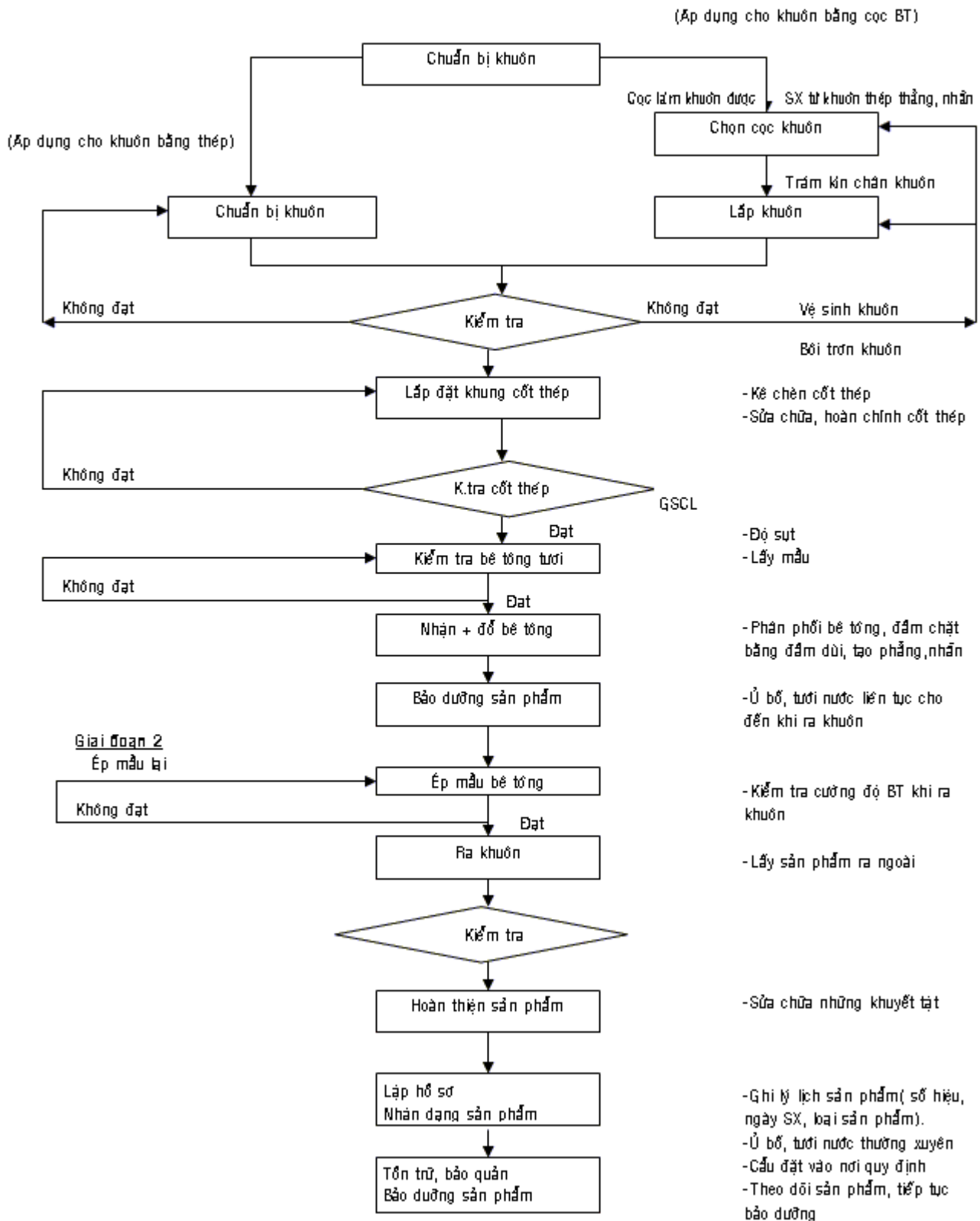


QUY TRÌNH SẢN XUẤT DẦM BÊ TÔNG CỐT THÉP – DỰ ỨNG LỰC



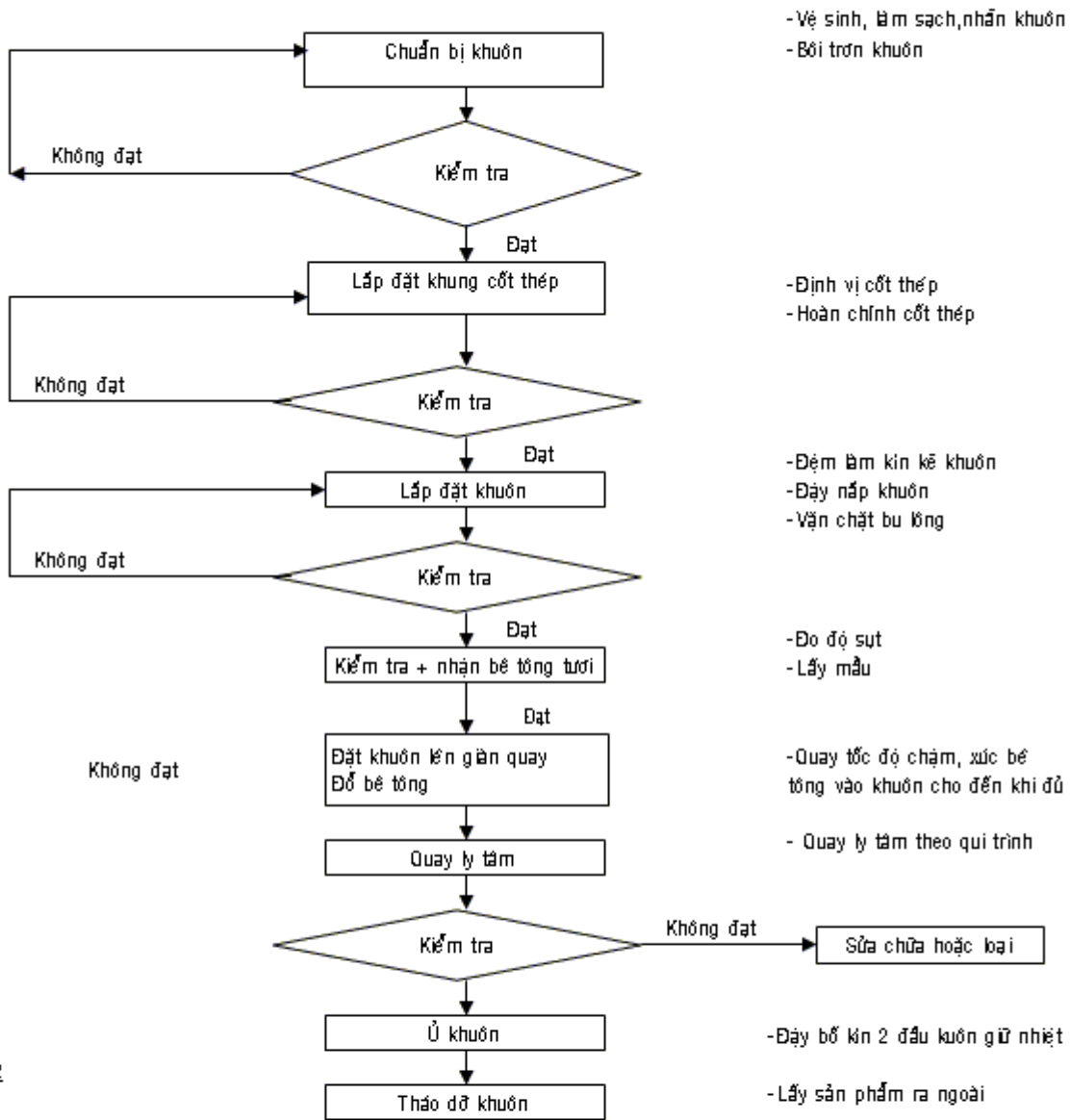
QUY TRÌNH SẢN XUẤT CỌC VUÔNG BÊ TÔNG CỐT THÉP

Giai đoạn 1:

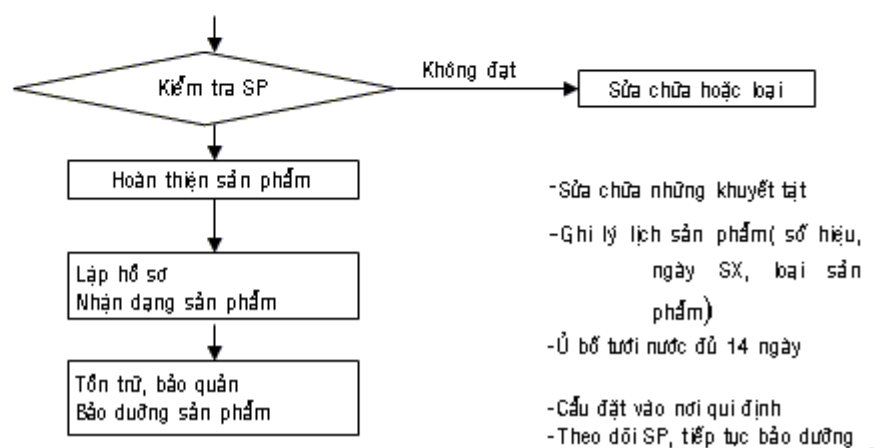


QUY TRÌNH SẢN XUẤT CỌC ỚNG VÀ ỚNG CỐNG BT CT BẰNG PHƯƠNG PHÁP QUAY LY TÂM

Giai đoạn 1



Giai đoạn 2



Các dây chuyền sản xuất chính

Dây chuyền gia công khung cốt thép

- Trong sản xuất các sản phẩm bê tông, khâu gia công tạo khung cốt thép có ảnh hưởng rất lớn đến năng suất và chất lượng sản phẩm bê tông. Năm bắt được điều này, Công ty đã đầu tư một dây chuyền gia công cốt thép hoàn chỉnh, trình độ công nghệ thuộc thế hệ tiên tiến so với các nước trong khu vực. Công suất gia công thành khung cốt thép cho các sản phẩm bê tông là 50 tấn thép các loại/ca. Mặt bằng dây chuyền này hiện nay là 12.000 m² (chưa kể dây chuyền gia công thép cho cọc ống).
- Tất cả các bước trong dây chuyền gia công cốt thép chủ yếu thực hiện trên những thiết bị chuyên dùng.

Dây chuyền gia công khuôn bãi

- Công tác gia công khuôn bãi không chỉ có ảnh hưởng lớn đến hình dáng và mẫu mã mà còn ảnh hưởng đến chất lượng của sản phẩm bê tông. Hiện tại, Công ty đang có một dây chuyền hoàn chỉnh có thể thực hiện thiết kế và gia công tất cả các khuôn bãi cho từng thiết kế sản phẩm khác nhau kể cả các thiết kế sản phẩm phức tạp mà trước đây Công ty phải thuê đơn vị ngoài gia công hoặc nhập từ nước ngoài. Ví dụ như: khuôn các loại cọc ống, ống cống, khuôn đầm các loại, cọc ván .
- Để thực hiện công tác này, Công ty đã có dây chuyền gia công từ khâu cắt uốn đến khâu tạo hình sản phẩm, có đủ năng lực để đáp ứng số lượng khuôn bãi theo yêu cầu. Các thiết bị trong dây chuyền hiện nay đang vận hành là: các nhà xưởng, các loại Palan điện, cổng trục, thiết bị cắt thép tấm bằng thủy lực, bằng gió đá, thiết bị dập uốn hình, khuôn đầm các loại, thiết bị hàn tiện, phay .
- Hiện nay số lượng khuôn bãi sử dụng cho công tác đúc các sản phẩm bê tông của Công ty đã có thể đáp ứng công suất nhà máy đến 60.000 m³ bê tông /năm.

Dây chuyền sản xuất đá thành phẩm

- Để có thể hạ giá thành nhằm tăng khả năng cạnh tranh của sản phẩm cũng như chủ động trong công tác sản xuất, Công ty đã đầu tư một dây chuyền sản xuất đá hoàn chỉnh từ khâu khai thác đá tại hầm đá đến khâu xay ra đá thành phẩm. Dây chuyền này sản xuất tại một khu độc lập cạnh núi Châu Thới trên diện tích 90.000 m² (chưa kể diện tích hầm đá đang khai thác). Công tác khoan nổ mìn khai thác đá tại hầm được sự hỗ trợ và quản lý chặt chẽ của cơ quan quản lý chuyên ngành mỏ tỉnh Bình Dương. Công tác xay đá được thực hiện bởi bốn máy xay đá (bao gồm 03 xe của Liên Xô cũ và 01 xe của Mỹ) với công suất 25 m³/giờ cho một máy. Các thành phần hạt theo định kỳ được kiểm tra xác định bởi phòng thí nghiệm của Công ty nhằm điều chỉnh phù hợp với yêu cầu.
- Đá thành phẩm 1x2 sau khi được kiểm tra đạt yêu cầu sử dụng cho bê tông thì được vận chuyển đến bãi tồn trữ cạnh trạm trộn bê tông để chuẩn bị vật liệu cho công tác trộn bê tông.

Dây chuyền trộn bê tông

- Để phục vụ cho công tác trộn và cung cấp bê tông tươi tại nhà máy, Công ty đã bố trí hai trạm trộn trên diện tích mặt bằng 8.000 m² (chưa kể các kho xi măng, phụ gia). Hiện nay công tác trộn bê tông tại Công ty chủ yếu được thực hiện trên hai trạm trộn: trạm trộn tự động ORU sản xuất tại Italy với công suất 86 m³/giờ và trạm trộn bán tự động của Liên Xô (cũ) có công suất 60 m³/giờ.
- Công tác vận chuyển bê tông tươi từ trạm trộn bê tông đến sân bãi đúc sản phẩm nhờ một thiết bị vận chuyển chuyên dùng riêng. Hiện nay, Công ty có các thiết bị vận chuyển bê tông

tươi với 23 xe (bao gồm 16 xe hiệu Ssangyang của Hàn Quốc, 03 xe hiệu Mix - Fuso của Nhật, 01 xe hiệu Kamaz của Liên xô cũ, 03 xe hiệu Ford của Mỹ, phần lớn những xe này đều được sản xuất trong những năm 90) mà công suất 6 m³ mỗi xe cho một lần vận chuyển, số lượng này đủ để ứng phó với mọi biến động của sản xuất trong Công ty cũng như những thay đổi trong nhu cầu cung cấp trực tiếp bê tông tươi cho khách hàng.

Dây chuyền đúc, bảo dưỡng và tồn trữ sản phẩm

- Đây là khâu cuối cùng trong công tác sản xuất sản phẩm bê tông tại nhà máy, khâu này thiên về sử dụng nhiều nhân lực, chiếm nhiều mặt bằng đồng thời tốn nhiều thời gian nhất trong các công đoạn của dây chuyền.

- Trên mặt bằng sân bãi rộng 105.000 m², Công ty đã bố trí các sân đúc các loại sản phẩm đủ chủng loại và được chia làm bốn khu vực sân đúc và tồn trữ sản phẩm bê tông:

Khu vực 1 là dây chuyền chuyên đúc các sản phẩm dầm bê tông cốt thép dự ứng lực thực hiện trên diện tích mặt bằng 20.000 m².

Khu vực 2 là dây chuyền chuyên đúc các sản phẩm cọc vuông bê tông cốt thép, bê tông cốt thép dự ứng lực, cọc ván . thực hiện trên mặt bằng có diện tích 50.000 m².

Khu vực 3 là dây chuyền chuyên đúc các sản phẩm cọc ống, ống cống thực hiện trên diện tích 15.000 m².

Khu vực 4 là khu vực tồn trữ sản phẩm sau khi đã đúc xong và bảo dưỡng đến cường độ tối thiểu 70% cường độ thiết kế, khu vực này có diện tích là 15.000 m².

- Các sân đúc được bố trí thành từng dãy và có đường công vụ xung quanh để phục vụ cho công tác thi công. Đối với các sản phẩm bê tông cốt thép dự ứng lực căng trước, các bệ căng được bố trí ngay trên sân đúc sản phẩm.

5.6. Chi phí sản xuất

Chỉ tiêu	Năm			
	1999	2000	9 tháng đầu năm 2001	Ước thực hiện năm 2001
1. Doanh thu	147,95	134,19	76,08	133,83
2. Chi phí sản xuất	114,67	112,88	61,64	109,74
3. Tỷ lệ chi phí sản xuất / doanh thu	77,51%	84,12%	81,02%	81,99%

Theo thống kê riêng của Công ty Bê tông 620, so với các công ty cùng ngành nước ngoài, giá hành sản phẩm của Công ty thấp hơn 20 - 30%. Bằng chứng cụ thể là Công ty đã thắng thầu cung cấp sản phẩm bê tông cho những dự án lớn do quốc tế tài trợ như: công trình cầu Mỹ Thuận, công trình hầm Hải Vân, cảng bốc dỡ sản phẩm Dung Quất.

5.7. Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới

- Để bắt kịp xu thế phát triển ngày càng cao của công nghệ xây dựng cầu đường và nâng cao khả năng cạnh tranh trong nền kinh tế toàn cầu hóa, Công ty Cổ phần Bê tông 620 luôn đặt trọng tâm đẩy mạnh công tác nghiên cứu nhằm không ngừng hoàn thiện chất lượng sản phẩm, dịch vụ cũng như phát triển chủng loại sản phẩm mới. Để thực hiện tốt công tác này,

Công ty đã trang bị cho phòng Nghiên cứu - Giám sát chất lượng sản phẩm những trang thiết bị hiện đại theo tiêu chuẩn VILAS (VietNam Laboratory Accreditation Scheme). Mục tiêu trong công tác nghiên cứu mà Công ty đề ra là:

Phòng Nghiên cứu - Giám sát chất lượng sản phẩm luôn kết hợp với phòng Kỹ thuật nghiên cứu các tiến bộ về kỹ thuật của ngành, qua đó lập phương án đầu tư dây chuyền sản xuất tiên tiến nhằm không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm cũng như phát triển thêm nhiều ứng dụng và sản phẩm mới, đáp ứng mọi yêu cầu khắt khe của thị trường.

Luôn nghiên cứu, sáng tạo nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng nguyên vật liệu đầu vào, đồng thời vẫn đảm bảo được chất lượng sản phẩm cuối cùng.

- Công ty đã phối hợp với Phân viện Khoa học Giao thông Vận tải thiết kế, sản xuất thành công các loại dầm cầu bê tông cốt thép dự ứng lực và ứng dụng rất hiệu quả trong các công trình xây dựng. Đặc biệt, các loại dầm cầu cốt thép dự ứng lực cho nông thôn dạng chữ I được sử dụng rộng khắp đồng bằng sông Cửu Long do có thể thi công ở bất cứ địa hình nào và dễ lắp ghép, vận chuyển.

- Hiện nay Công ty đang tiến hành đầu tư xây dựng 3 phân xưởng sản xuất những sản phẩm mới là cọc ống ly tâm, cọc vuông rỗng ruột, tấm sàn bê tông dùng trong xây nhà lắp ghép. Theo dự kiến, trong quý I năm 2002, các sản phẩm này sẽ được cung ứng ra thị trường.

- Cụ thể trong các năm 2001 và 2002, Công ty sẽ đầu tư 37,07 tỷ đồng vào việc phát triển, đa dạng hóa sản phẩm và mở rộng sản xuất. Dự kiến công việc được phân chia như sau:

ĐVT: tỷ đồng

Dự án	2001	2002
Liên doanh Cảng Vĩnh Long	7,08	3,20
Nhà máy Bê tông Vĩnh Long	1,40	4,60
Thiết bị sản xuất cọc ống	2,60	4,40
Dầm cầu	1,50	1,50
Máy móc, thiết bị	10,79	0
Tổng Cộng	23,37	13,70

5.8. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm

- Trước tháng 6 năm 1999, Công ty kiểm tra chất lượng sản phẩm theo mô hình KCS (viết tắt từ "Kiểm tra chất lượng sản phẩm") - để thực hiện tốt mô hình quản lý này, Công ty đã đầu tư một phòng Thí nghiệm Giám sát chất lượng có đủ năng lực giám sát bao quát hết tất cả các công đoạn, các bộ phận trong dây chuyền sản xuất của Công ty từ khâu chuẩn bị đến khâu hoàn thiện sản phẩm cuối cùng. Mô hình này tồn tại trong thời gian dài kể từ khi thành lập Công ty đến giữa năm 1999.

- Để đáp ứng yêu cầu về quản lý chất lượng đòi hỏi ngày càng cao của Công ty cũng như sự khắt khe của thị trường. Từ tháng 6 năm 1999, Công ty Bê tông 620 đã áp dụng quản lý theo hệ thống quản lý chất lượng tiêu chuẩn quốc tế ISO 9002 cho tất cả các dây chuyền sản xuất các sản phẩm tại Công ty và đến ngày 08 tháng 01 năm 2000, hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9002 của Công ty chính thức được Tổ chức chứng nhận quốc tế

SGS của Anh quốc và Trung tâm Chứng nhận phù hợp Tiêu chuẩn Việt Nam (Quacert) công nhận đạt tiêu chuẩn TCVN ISO 9002: 1996. Công ty phấn đấu trong năm 2001 sẽ áp dụng hệ thống quản lý chất lượng này vào công tác xây dựng cơ bản tại các công trình mà Công ty đang thi công.

- Các loại vật tư nguyên liệu trước khi đưa vào sản xuất đều được thẩm định, kiểm tra. Qua từng công đoạn sản xuất theo quy trình đều có bộ phận kiểm tra chất lượng từng khâu đến khi sản phẩm hoàn thành còn phải qua khâu kiểm tra chất lượng sản phẩm lần cuối trước khi giao cho khách hàng. Cũng như, trong việc thi công xây lắp, các công trình được nghiệm thu đúng các thông số kỹ thuật, đúng tiến độ. Nhờ vậy, Công ty đã đảm bảo được chất lượng sản phẩm cho khách hàng, giảm bớt được các khoản chi phí về sản phẩm kém phẩm chất, hư hỏng...vv.. làm tăng lợi nhuận cho Công ty .

5.9. Hoạt động Marketing

Chiến lược sản phẩm

Do đặc thù của lĩnh vực sản xuất và cung cấp các loại sản phẩm bê tông phục vụ cho các công trình xây dựng phải đáp ứng nghiêm ngặt các tiêu chuẩn kỹ thuật do khâu thiết kế đưa ra nên công tác tiếp thị của Công ty không thể tổ chức đơn thuần như công việc marketing của các đơn vị khác. Hiện nay công việc này được thực hiện bởi các bộ phận chức năng của Phòng Kế hoạch Kinh doanh nhằm gắn kết công tác marketing với công tác tổ chức sản xuất và quản lý chất lượng sản phẩm cũng như hoạch định các hoạt động kinh doanh trong mối quan hệ với những chủ đầu tư các dự án. Cụ thể:

- Phòng Kế hoạch Kinh doanh của Công ty thực hiện việc soạn thảo hợp đồng, lập kế hoạch kinh doanh, nghiên cứu thị trường, giá cả thị trường, lập thời gian biểu giao hàng và vận chuyển thành phẩm. Đây là bộ phận tiếp xúc trực tiếp với khách hàng, nắm bắt nhu cầu, khả năng, xúc tiến tiếp cận khách hàng và biến những hoạch định thành hiện thực qua những dự án được ký kết. Do xác định rõ được tầm quan trọng của công tác tiếp thị nên phòng Kế hoạch Kinh doanh được yêu cầu báo cáo trực tiếp kết quả hoạt động lên Tổng Giám đốc Công ty.

- Phòng Kế hoạch Kinh doanh lập kế hoạch quảng bá hình ảnh đơn vị trên các phương tiện truyền thông tại địa phương, Trung ương cũng như tiếp xúc định kỳ với các khách hàng chủ lực về xây dựng cầu, đường ở trong nước (các tổng công ty xây dựng cùng ngành; những ban quản lý các dự án cơ sở hạ tầng của những địa phương, Trung ương..), nước ngoài (những nhà thầu Nhật Bản, Úc ..đã có hợp tác với Công ty trong thời gian qua) nhằm tạo mối quan hệ tốt, tiềm năng hợp tác lâu dài trong tương lai.

Chiến lược về giá

Trước đây, khi còn hoạt động dưới hình thức là một doanh nghiệp Nhà nước, Công ty đã áp dụng chính sách hỗ trợ giảm giá 3% cho các đơn vị trực thuộc Cienco 6. Nay, khi đã chuyển sang hình thức hoạt động mới, Công ty không còn áp dụng chính sách này nữa, mà thay vào đó, để nâng cao khả năng cạnh tranh cũng như thu hút khách hàng, Công ty đã thực hiện chính sách giảm giá ở mức từ 2 - 4% đối với những khách hàng lớn.

Kế hoạch marketing

+ Tổ chức, tham gia những cuộc hội thảo, triển lãm về xây dựng và bê tông.

+ Tham gia thi công các chương trình mang tính chất chính trị - xã hội cao như :

" Chương trình xóa cầu khỉ trên phạm vi toàn khu vực phía Nam, đặc biệt là vùng Đồng bằng sông Cửu Long. Hiện nay hầu hết các tỉnh ở vùng này đều đã triển khai chương trình trên và đều sử dụng các sản phẩm của Công ty Cổ phần Bê tông 620.

" Thực hiện các công trình lớn, công trình trọng điểm quốc gia: qua đó nâng cao uy tín và hình ảnh của Công ty trên thị trường như: dự án xây cầu vượt bộ hành trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; cầu Cầu Lâu (Đà Nẵng); cầu Cần Thơ; cầu Trường Hà (Huế); hầm Hải Vân (Đà Nẵng); dự án Nhiêu Lộc - Thị Nghè (Thành phố Hồ Chí Minh).

Thương hiệu

+ Công ty đã thiết lập thương hiệu (logo) của riêng mình và thương hiệu này được dùng thống nhất tên các ấn phẩm, văn bản của Công ty.

+ Công ty với bề dày hoạt động, kinh nghiệm, tên tuổi và được tổ chức một cách khoa học. Hình ảnh của Công ty đối với khách hàng ngày càng ảnh hưởng tốt trong mối quan hệ là đối tác chính tham gia các dự án lớn, nhỏ trên các địa bàn khác nhau.

Khách hàng

+ Đến năm 2001, Công ty có trên 200 khách hàng. Trong đó có 25 khách hàng ký hợp đồng có giá trị trên 01 tỷ đồng riêng trong năm 2001. Hầu hết các khách hàng lớn này là khách hàng truyền thống của Công ty.

+ Công ty cũng đã thiết lập được mối quan hệ rất tốt với Baulderstone Hornibrook. Đây là tập đoàn xây dựng quốc tế đảm nhận vai trò nhà thầu chính của dự án cầu Mỹ Thuận. Trong dự án này, Công ty đã đóng vai trò nhà thầu phụ bên cạnh tập đoàn Baulderstone Hornibrook và đã được giới chuyên môn trong và ngoài nước đánh giá cao về chất lượng toàn bộ bê tông cung cấp cho công trình, tiến độ thi công và sản xuất dầm Super T lần đầu tiên tại Việt Nam. Cụ thể Công ty đã đảm nhận cung cấp toàn bộ bê tông tươi, sản xuất và lao phóng toàn bộ dầm Super T cầu dẫn, sản xuất toàn bộ cọc bê tông cốt thép tiết diện vuông 400 400 cho trụ cầu dẫn, thi công toàn bộ trụ cầu và mũ trụ cầu dẫn, cầu chính theo phương pháp đúc hẫng, thi công hai mô cầu, mặt cầu, dầm phân cách, lề bộ hành. Sự hợp tác hiệu quả với một tập đoàn xây dựng quốc tế lớn như Baulderstone Hornibrook sẽ là tiền đề tốt để Công ty có thể mở rộng mối quan hệ với các tập đoàn, công ty xây dựng quốc tế khác trong tương lai.

5.10. Thị phần và đối thủ cạnh tranh

Thị phần:

- Với hơn 40 năm kinh nghiệm và uy tín đối với khách hàng trong nước. Công ty Cổ phần Bê tông 620 còn có lợi thế cạnh tranh rất lớn khi đã đồng tham gia với nhiều nhà thầu nước ngoài trong các dự án, công trình xây dựng và đạt được chuẩn mực quốc tế về chất lượng công việc. Các công ty mới tham gia vào thị trường này sẽ khó khăn hơn trong cạnh tranh về uy tín, bề dày kinh nghiệm, trình độ công nghệ và hợp tác quốc tế khi so sánh với Công ty. Thành công vang dội của Công ty trong việc xây dựng cầu Mỹ Thuận, qua sự hợp tác với công ty Baulderstone Hornibrook (Úc) đã tạo được tín nhiệm cao nơi chủ đầu tư dự án, cũng như trong ngành.

- Bằng phương pháp thống kê tổng giá trị các công trình xây dựng cầu đường những năm qua trong khu vực miền Tây và các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long rồi so sánh với giá trị các dự án mà Công ty đã đảm nhận thực hiện trong khu vực này, Công ty đánh giá mình đang có vị trí vượt trội ở miền Tây và các Tỉnh đồng bằng sông Cửu Long, chiếm khoảng 60% thị phần ở hai vùng này và đặc biệt là các sản phẩm bê tông cỡ lớn (thậm chí còn là Công ty duy nhất có khả năng sản xuất các sản phẩm này).

Đối thủ cạnh tranh:

Tỷ trọng doanh thu sản phẩm bê tông và xây dựng công trình rất lớn trong tổng doanh thu của Công ty. Cụ thể tỷ trọng này của Năm 1999 là 95,65%; năm 2000 là 92,10% và 9 tháng

đầu năm 2001 là 89,46%. Do đó những đối thủ cạnh tranh chủ yếu của Công ty Bê tông 620 chính là những công ty hoạt động trong hai lĩnh vực này.

Trong lĩnh vực bê tông

Hiện Nay tại Việt Nam có khá nhiều công ty bê tông. Hầu hết trong số này thiên về sản xuất bê tông tươi hơn là các sản phẩm bê tông đúc sẵn cho xây dựng.

Trong lĩnh vực cung cấp bê tông tươi có hơn 13 đối thủ cạnh tranh trực tiếp với Công ty. Trong đó có 06 công ty ở miền Bắc, 04 ở miền Trung và 03 ở miền Nam. Các đối thủ cạnh tranh chính trong lĩnh vực sản xuất bê tông tươi là Công ty trách nhiệm hữu hạn Phan Vũ, công ty vật liệu xây dựng Biên Hòa (BBCC), Công ty trách nhiệm hữu hạn Lê Phan và Công ty trách nhiệm hữu hạn Mê Kông.

Ở mảng sản phẩm cọc ống bê tông: Hiện tại đối thủ chính của công ty là công ty Phan vũ; Ở mảng cống bê tông ly tâm: đối thủ chính là công ty bê tông Hùng Vương. Hai đơn vị này hiện nay chưa phải là mạnh so với bề dày kinh nghiệm, khả năng tham gia thị trường cũng như mối quan hệ như công ty. Ngoài ra, còn có một đơn vị thành viên của Tổng công ty xây dựng công trình 6 (Cienco 6) là công ty 623 đang xây dựng xưởng cọc ống. Công ty sẽ có thêm một đối thủ cạnh tranh nữa trong tương lai gần.

Trong lĩnh vực dịch vụ xây lắp

- Đây là một lĩnh vực tương đối mới với Công ty, hiện có nhiều đối thủ cạnh tranh hơn trong lĩnh vực bê tông và hoạt động cạnh tranh diễn ra khá mạnh mẽ. Mặc dù Công ty sẽ gặp phải sự cạnh tranh lớn từ 08 Tổng công ty xây dựng công trình giao thông (Cienco) với các thành viên đều có công ty con hoặc các xí nghiệp trực thuộc sản xuất bê tông. Nhưng do có được lợi thế độc quyền về sản xuất và cung cấp đối với một số sản phẩm bê tông ứng suất trước và ứng suất sau đáp ứng được các yêu cầu kỹ thuật khắc khe, cũng như sẽ không ngừng nâng cao lợi thế này bằng cách đầu tư các dây chuyền sản xuất mới, nên Công ty có khả năng sẽ giữ vững và mở rộng được thị phần của mình. Mức độ cạnh tranh với các Tổng công ty xây dựng công trình giao thông chỉ có tính tương đối do phần lớn các công ty này phải sử dụng các sản phẩm của Công ty cho việc thực hiện các công trình mà những đơn vị này trúng thầu. Một số tổng công ty (Cienco) ở miền Trung, miền Bắc khi tham gia các công trình tại khu vực phía Nam, chủ yếu là thực hiện việc xây lắp là chính, khó có thể xây dựng các xưởng cọc ống tại các công trường. Do đó, tất yếu sẽ là một lợi thế rất lớn cho công ty bê tông 620 - Châu Thới trong việc cạnh tranh với những đơn vị này.

- Về vĩ mô, hiện đã có rất nhiều Tổng công ty xây dựng thuộc sở hữu Nhà nước, và Chính phủ không có dự định thành lập thêm bất cứ doanh nghiệp thuộc sở hữu nhà nước nói chung và trong ngành xây dựng nói riêng. Do đó các công ty mới muốn tham gia vào thị trường này chỉ có thể là các công ty trách nhiệm hữu hạn và liên doanh với nước ngoài. Nhưng gần đây, nhiều công ty trách nhiệm hữu hạn đã gặp nhiều khó khăn lớn vì:

Các công ty trách nhiệm hữu hạn thường không có tiềm lực tài chính mạnh cũng như nguồn vay lớn, kể cả khi dự án vừa mới bắt đầu hay trong thời gian thực hiện trong khi nguồn vốn đầu tư cần có để cạnh tranh ở mức như Công ty Cổ phần Bê tông 620 là rất lớn.

Các công ty trách nhiệm hữu hạn chưa tạo được uy tín, mức tín nhiệm cao nơi các định chế trung gian tài chính (ngân hàng, công ty tài chính..) để nhận được sự tài trợ tín dụng ưu đãi cho việc thực hiện các dự án lớn, mà phải thường xuyên vay vốn với những điều khoản khắt khe hơn. Điều này làm cho chi phí vốn hoạt động tăng cao.

Vốn xuất thân từ một doanh nghiệp nhà nước có truyền thống, được tính nhiệm cao trong lĩnh vực xây dựng, Công ty Bê tông 620 có cơ hội trúng thầu các dự án do Nhà nước làm chủ đầu tư cao hơn hẳn khi so sánh với các công ty trách nhiệm hữu hạn

cùng ngành nghề.

Các đối thủ tiềm ẩn:

- Các quy định về đầu tư nước ngoài được cải thiện có thể sẽ thu hút các nhà thầu xây dựng nước ngoài. Mặc dù rất có thể trong ngắn hạn và trung hạn, các nhà thầu này chưa thể cạnh tranh trực tiếp được với các công ty lớn trong nước.

- Các nhà sản xuất nước ngoài có thể thắng thầu cung cấp sản phẩm, điều này đã từng xảy ra và sẽ trở thành vấn đề quan trọng khi Việt Nam giảm bớt các rào cản thương mại khi tham gia AFTA.

5.11. Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết

Các hợp đồng lớn ký kết vào năm 2001 có giá trị trên 1 tỷ đồng của Công ty được thống kê chi tiết tại Phụ lục V

6. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 1999; 2000 và 9 tháng đầu năm 2001

6.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty năm 1999; 2000 và 9 tháng đầu năm 2001

Đơn vị tính: Tỷ VNĐ

Chỉ tiêu	1999	2000	9 tháng đầu năm 2001	Ước thực hiện năm 2001	Tỷ lệ tăng giảm năm 2000 so với 1999 (%)	Tỷ lệ ước thực hiện năm 2001 so với 2000 (%)
1. Tổng giá trị tài sản	108,29	153,69	165,82	175,60	41,92	114,26
2. Doanh thu thuần	147,95	134,19	76,08	133,8	-9,30	- 2,9
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	16,68	11,54	9,71	10,20	-30,82	- 13,14
4. Lợi nhuận hoạt động tài chính	0,27	-2,92	-1,79	0,42	-1081,48	114,40
5. Lợi nhuận bất thường	0,10	2,98	0,10	0,14	2880,00	- 95,30
6. Lợi nhuận trước thuế	17,05	11,60	8,02	10,74	-31,96	- 7,41
7. Lợi nhuận sau thuế	13,36	8,70	7,01	9,40	-34,88	8,04
8. Lợi nhuận sau thuế	0	0	0	12	0	0
8. Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức (%)						

6.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty

- Do đặc thù hoạt động của ngành, doanh thu hàng năm phụ thuộc nhiều vào chiến lược phát triển cơ sở hạ tầng của Chính phủ (các dự án xây dựng cầu đường trong năm). Do đó, doanh thu sẽ cao vào những năm mà Công ty tham gia trong nhiều dự án lớn, đặc biệt là những dự án được nước ngoài tài trợ. Cụ thể doanh thu năm 1999 đạt khá cao do Công ty đã tham gia vào dự án cầu Mỹ Thuận. Doanh thu năm 2000 giảm 9,30% so với năm 1999.

Nhưng do mở rộng tín dụng ngắn hạn nhằm tài trợ cho nhu cầu gia tăng tài sản lưu động (nợ ngắn hạn tăng 14,5 tỷ tương đương tăng 52,6%) và tăng nguồn vốn kinh doanh do cổ phần hóa (vốn kinh doanh tăng 29,4 tỷ đồng từ vốn góp của các cổ đông) đã đưa đến tổng tài sản năm 2001 tăng 45,4 tỷ tương đương tăng 41,92% so với năm 1999. Tỷ trọng doanh thu từ sản phẩm bê tông luôn chiếm cao trong tổng doanh thu hàng năm của Công ty. Cụ thể: tỷ lệ này năm 1999 là 52,50%; năm 2000 là 55,73%, mà xi măng, sắt, thép lại là nguyên vật liệu chính tạo ra các sản phẩm bê tông. Do đó, sự biến động trong giá các nguyên vật liệu này sẽ ảnh hưởng rất lớn đến chi phí sản xuất đầu vào và tiếp theo sẽ ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của Công ty. Thực tế, trong năm 2000, cho dù kinh tế Việt Nam giảm phát (chỉ số giá tiêu dùng giảm 0,6%). Nhưng xi măng, sắt, thép lại nằm trong nhóm mặt hàng tăng giá mạnh (giá nhóm mặt hàng vật liệu xây dựng tăng 4,7% trong năm 2000) - (theo Tổng cục Thống kê). Điều này đưa đến chi phí sản xuất của Công ty trong năm 2000 tăng cao. Doanh thu giảm kết hợp với chi phí sản xuất tăng đã làm cho lợi nhuận trước thuế năm 2000 giảm 31,96% và lợi nhuận sau thuế giảm 34,88% so với năm 1999.

- Đối với 9 tháng đầu năm 2001, doanh thu và lợi nhuận sau thuế đạt 56,25% và 71,17% doanh thu và lợi nhuận sau thuế kế hoạch cả năm 2001 (76,08 tỷ so với 135,25 tỷ và 7,01 tỷ so với 9,85 tỷ). So với năm 2000 thì hiệu quả kinh doanh của Công ty đã có sự tiến bộ rõ rệt. Cụ thể: mặc dù doanh thu 9 tháng đầu năm 2001 chỉ đạt 56,70% doanh thu cả năm 2000, nhưng lợi nhuận sau thuế đạt đến 80,57% so với lợi nhuận sau thuế cả năm 2000. Mức giảm đáng kể này so với năm 2000 là do doanh thu về xây dựng công trình như cầu Dền Xây (hơn 6.8 tỷ đồng), cầu Long Toàn (3.6 tỷ), Hàm Hải Vân (1.3 tỷ), bờ kè Hà Tiên (1.9 tỷ) và một số công trình khác được quyết toán theo mức độ hoàn thành vào quý IV hàng năm (năm 2001) đúng theo đặc thù của ngành xây dựng cơ sở hạ tầng.

Doanh thu các sản phẩm khác vẫn đạt khá so với năm 2000, cụ thể như sau:

CHỈ TIÊU	Năm 2000 (đồng)	T.9/2001 (đồng)	Ước thực hiện năm 2001	Tỷ lệ T.9/2001 so năm 2000	Tỷ lệ năm 2001 so năm 2000
Doanh thu bê tông các loại	74.781.356.522	61.899.629.957	92.754.050.783	82,80%	124,03%
Doanh thu xây dựng công trình	48.774.647.060	6.161.548.211	29.500.852.152	12,63%	60,485
Vận chuyển và lao phóng	7.977.088.554	6.284.222.547	8.962.225.455	78,80%	112,35%
Sản phẩm đá	2.344.842.811	1.617.638.968	1.766.756.776	68,98%	75,35%
Sản phẩm, hàng hóa khác	307.460.341	118.195.227	848.294.840	38,44%	275,90%
Tổng cộng	134.185.395.288	76.081.234.910	133.832.180.006	56,25%	99,74%

7. Vị thế của Công ty so với các đơn vị khác trong cùng ngành

7.1. Vị thế của Công ty trong ngành

- Trong suốt quá trình hình thành, tồn tại và phát triển hơn 40 năm qua, Công ty Cổ phần Bê tông 620 - Châu Thới đã chứng minh được khả năng và năng lực của mình trong lĩnh vực xây dựng cầu đường. Hoạt động của Công ty bao gồm từ cung cấp vật tư, cấu kiện đúc sẵn

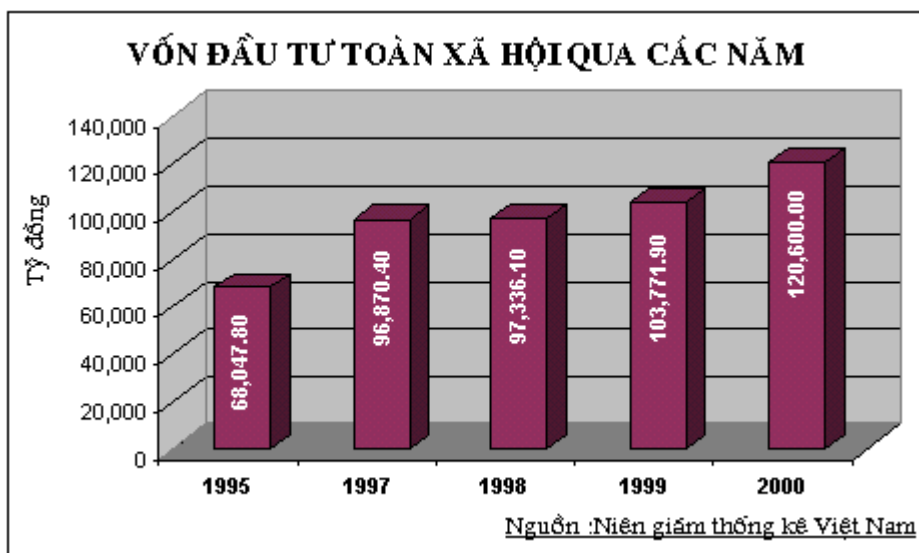
chủ yếu cho các công trình đến việc thi công trực tiếp các công trình lớn nhỏ trong cả nước mà tập trung nhất vào địa bàn khu vực Đông nam bộ, đồng bằng Sông Cửu Long.

- Sản phẩm của Công ty đã tham gia vào thị trường cung cấp, lắp đặt, thi công cho các công trình xây dựng mang tầm cỡ quốc tế như Khách sạn New World, cao ốc SaiGon Trade Center, khách sạn Sài Gòn Prince, các công trình cầu Cảng Sài Gòn, Cảng Dầu khí Vũng Tàu, Cảng Nhà Bè, cầu cảng khách sạn nổi Sài Gòn, các công trình bằng dầm bê tông ứng suất trước tại 03 cầu thuộc tuyến tránh trên quốc lộ 1 đoạn Phan Rang, cầu Mỹ Thủy, cầu Giồng Ông Tố, cầu Dàn Xây tại TP.HCM, Cầu vượt bộ hành số 02 trên đường Điện Biên Phủ vừa được hoàn thành ngày 29/09/2001. Ngoài ra phải kể đến công trình cầu Mỹ Thuận, là cây cầu dây văng đầu tiên được xây dựng tại Việt Nam với các dầm Super T dài 40 m, nặng 80 tấn do Công ty cung cấp đã được các chuyên gia Nhật, Úc kiểm định và đưa vào thi công công trình cầu lớn nhất năm 2000 tại Việt Nam và được đánh giá rất cao về mặt công nghệ. Bên cạnh đó, Công ty còn tham gia các chương trình mục tiêu của Chính phủ về việc thay thế các cầu khí bằng cầu bê tông vĩnh cửu tại các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long.

- Hiện nay, Công ty đang có lợi thế độc quyền về cung cấp một số sản phẩm - đặc biệt là các loại dầm cầu lớn bằng bê tông ứng suất trước - đáp ứng nhu cầu xây dựng cầu đường vốn tăng rất nhanh trong những năm gần đây. Sắp tới, Công ty sẽ tiếp tục nâng cao lợi thế này bằng cách đầu tư thêm dây chuyền và thiết bị sản xuất cọc ống để tạo ra một loại sản phẩm mới khác mà hiện tại ở Việt Nam ngoài Công ty Bê tông 620 ra không có công ty nào sản xuất được, nhằm tham gia mạnh hơn vào thị trường cung cấp các loại bê tông theo yêu cầu, đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn kỹ thuật cao cho các công trình lớn.

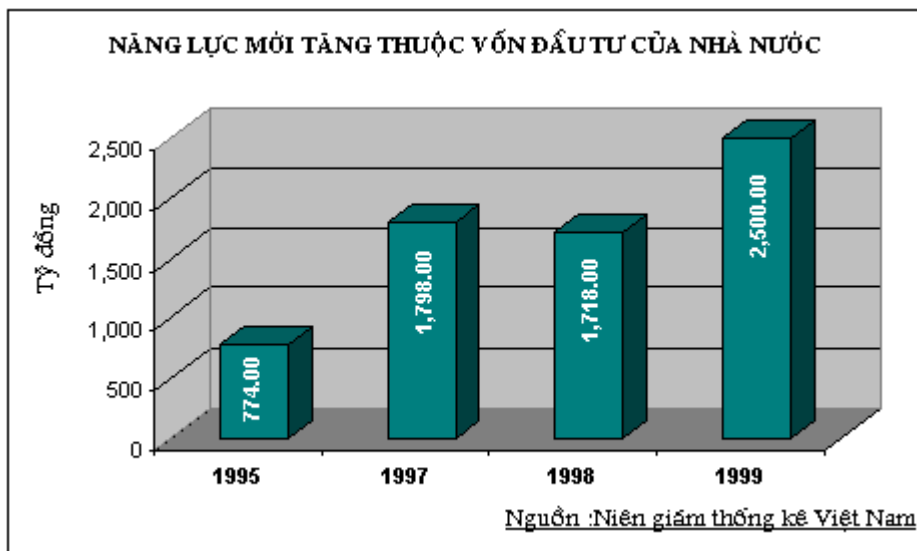
7.2. Triển vọng phát triển của ngành

- Trong các năm từ 1995 đến nay, đầu tư của cả nước trong lĩnh vực xây dựng không ngừng phát triển ở mức độ năm sau luôn cao hơn năm trước: đồ thị dưới đây cho thấy vốn đầu tư toàn xã hội cho xây dựng các năm vừa qua.

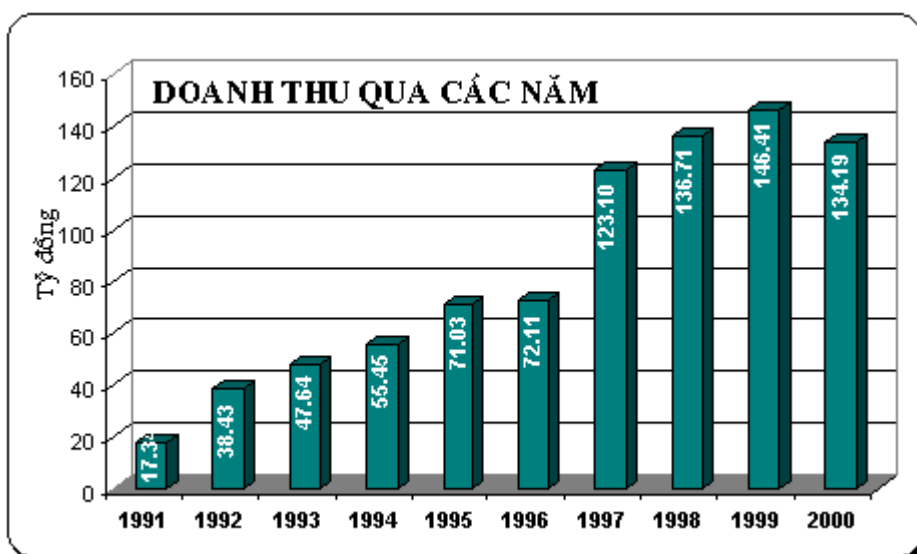


Trong đó năng lực mới tăng thêm do đưa vào sử dụng chỉ tính riêng cho vốn Nhà nước trong lĩnh vực đường sá (kèm cầu cống các loại) tăng đều qua các năm được thống kê chi tiết từ 1995 theo đồ thị dưới đây:

NĂNG LỰC MỚI TĂNG THUỘC VỐN ĐẦU TƯ CỦA NHÀ NƯỚC
(Nguồn : Niên Giám thống kê Việt Nam)



- Trong xu thế chung đó, doanh thu hàng năm từ 1991 đến nay của Công ty cũng tăng trưởng liên tục và được thống kê lại theo đồ thị dưới đây:



- Ngoài ra, lĩnh vực xây dựng công trình giao thông và xây dựng cơ sở hạ tầng đang phát triển ngày càng nhanh theo nhịp độ phát triển kinh tế xã hội và tốc độ thu hút vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài (FDI): trong giai đoạn 2001 - 2010 với chiến lược phát triển nền kinh tế đất nước đã được thông qua tại Đại hội Đảng lần thứ IX, Việt Nam tiếp tục khẳng định chính sách ưu tiên đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng với mức đầu tư hàng năm dự kiến sẽ tăng theo tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm quốc nội (GDP). Vì vậy với dự đoán tăng trưởng GDP sẽ vượt mức 7% trong vòng 10 năm tới đồng thời lạm phát ở dưới mức 5% trong trung hạn. Kế hoạch ngân sách của Chính phủ trong thời gian tới sẽ đầu tư rất lớn vào cơ sở hạ tầng.

- Ngoài việc đầu tư bằng vận động nội lực của cả nước, sự giúp đỡ của Quốc tế dành cho Việt Nam cũng đóng vai trò quan trọng trong việc thay đổi diện mạo cơ sở hạ tầng: dự án cầu Cần Thơ trị giá khoảng 300 triệu USD được tài trợ bởi nguồn vốn ODA trong khoản viện trợ không hoàn lại 3.734 tỷ Yên từ chính phủ Nhật Bản để xây dựng 38 cầu cho các tỉnh phía Nam và nhiều dự án do Ngân hàng Thế giới, Quỹ Tiền tệ Quốc tế tài trợ về đầu tư xây dựng cầu đường . đang được xem xét sẽ là tiềm năng không nhỏ cho lĩnh vực hoạt động của Công ty .

- Trong tình hình bình thường hoá quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ: với việc Chính phủ 02 bên đang tiến hành những thủ tục cuối cùng để phê chuẩn Hiệp định Thương mại song phương sẽ mở ra những cơ hội lớn lao cho các doanh nghiệp của 02 nước. Theo xu hướng đó, tất nhiên lĩnh vực xây dựng giao thông tại Việt Nam không nằm ngoài tầm ngắm của các tập đoàn xây dựng của Hoa Kỳ vốn rất quen thuộc với địa bàn miền Nam trước đây và như vậy địa chỉ "Công trường Đúc bê tông tiền áp Châu Thới" - tiền thân của Công ty Cổ Phần Bê tông 620 sẽ là nơi tin cậy cho việc thiết lập các mối quan hệ, đầu tư liên doanh, mua bán sản phẩm ..vv..

- Tất cả các số liệu thống kê, kế hoạch phát triển của đất nước trong giai đoạn 2001-2010, xu thế của thị trường cũng như những thế mạnh của Công ty hiện nay hứa hẹn một thị trường ổn định, tạo điều kiện thuận lợi cho Công ty phát triển theo hướng đi lên trong thời gian tới.

8. Chính sách đối với người lao động

Tình hình lao động hiện nay :

Tổng số nhân viên hiện nay là 762 người, trong đó lao động gián tiếp là 98 người. Đa số lao động ký hợp đồng dài hạn với cơ cấu và tỷ lệ như sau :

LAO ĐỘNG	SỐ LƯỢNG	TỶ LỆ
Lao động quản lý	98	12,86%
Lao động phục vụ	84	11,02%
Lao động trực tiếp sản xuất:	580	76,12%
- Tại công ty	317	54,63%
- Tại các công trình xây lắp ở các tỉnh miền Trung, miền Nam	263	45,35%

Về trình độ:

Trình độ	Số lượng	Tỷ lệ
Trên đại học	03	0,40%
Đại học	75	9,84%
Cao đẳng	06	0,78%
Trung cấp	08	1,05%
Phổ thông	670	87,93%

Công ty Cổ phần Bê tông 620 luôn thực hiện nghiêm chỉnh chính sách đối với người lao động theo Bộ luật Lao động Việt Nam. Trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty đã thực hiện các vấn đề liên quan tới người lao động như sau :

- Sắp xếp, bố trí lại tổ chức sản xuất, kiểm tra, đánh giá lại tay nghề công nhân, bố trí lao động hợp lý, đảm bảo lao động được bố trí trong dây chuyền sản xuất chính là những lao động thực sự có trình độ tay nghề chuyên môn cao.

- Giải quyết việc làm cho số lao động dôi ra từ các dây chuyền sản xuất, giải quyết đầy đủ các chế độ trợ cấp thôi việc theo quy định của luật pháp nếu người lao động có nguyện vọng xin nghỉ việc để làm kinh tế gia đình.

- Đào tạo mới và đào tạo lại một số nghề cho CBCNV, kinh phí được dự trù trên 850.000.000đồng (được phân bổ trong hai năm 2001, năm 2002) bằng phương pháp đào tạo tại chỗ và đào tạo tại các trung tâm, cụ thể:

+ Đào tạo mới cho công nhân:

Nghề hàn áp lực, khoan nhồi, vận hành máy;

Đào tạo thi công cầu theo phương pháp lao lắp tại chỗ, đào tạo thi công cầu dây văng, công nghệ thấm bê tông;

Đào tạo công nhân sản xuất sản phẩm bê tông theo công nghệ mới;

Đào tạo nâng bậc thợ các ngành nghề đang áp dụng trong Công ty;

Đào tạo công nhân cơ khí để tham gia trong dây chuyền lắp ráp, sản xuất cung cấp ván khuôn thép.

+ Đào tạo lại cho công nhân: từ năm 1998 Công ty đã tiến hành đào tạo lại cho tất cả CBCNV. Số lao động dài hạn hiện nay đang làm việc tại Công ty và các công trường đều đã có bằng nghề. Hàng năm đều tổ chức cho ôn lại kiến thức, kiểm tra thi nâng bậc.

+ Đào tạo cho cán bộ quản lý: để nâng cao kỹ năng quản trị cho Cán bộ ở các bộ phận phòng ban của Công ty. Hiện Công ty đang tiến hành đào tạo các lớp: Đào tạo cán bộ thẩm định dự án; Đào tạo cán bộ quản lý dự án; Đào tạo cán bộ quản trị sản xuất; Đào tạo cán bộ lập dự toán; Đào tạo chức danh giám đốc; đào tạo nhân viên quản trị kinh doanh và tiếp thị. Ngoài ra, Công ty còn khuyến khích, hỗ trợ toàn bộ kinh phí cho CBCNV hiện đang học các chương trình sau đại học, đại học tại chức, học nghề để nâng cao trình độ chuyên môn.

- Tiền lương và tiền thưởng:

Trong khi Nhà nước chưa có văn bản nào hướng dẫn về tiền lương người lao động trong công ty cổ phần, Công ty vẫn áp dụng thang bảng lương của người lao động trong doanh nghiệp Nhà nước, các hệ số lương của CBCNV hiện tại đang công tác tại Công ty được giữ nguyên như trước thời điểm cổ phần hóa, hệ số lương này được dùng làm căn cứ để ký hợp đồng lao động.

Công ty tiếp tục áp dụng hình thức trả lương theo sản phẩm phần đầu thu nhập bình quân trong năm 2001 là 1.800.000đồng/người/tháng.

- Chế độ BHXH, BHYT: Công ty áp dụng theo quy định của Nhà nước.

- Chế độ nâng bậc, nâng lương: trong khi chưa có chế độ nâng bậc nâng lương mới, Công ty vẫn áp dụng theo các quy định của Nhà nước.

+ Đối với công nhân trực tiếp sản xuất, hàng năm Công ty liên hệ với các trường dạy nghề tổ chức thi kiểm tra nâng bậc tiêu chuẩn dự thi theo quy định của Nhà nước.

+ Đối với nhân viên phục vụ, nhân viên viên nghiệp vụ và cán bộ quản lý, Công ty sẽ xây dựng bảng tiêu chuẩn viên chức nghiệp vụ, hàng năm lập Hội đồng xét nâng bậc lương thời gian giữ bậc theo quy định của Nhà nước.

- Chế độ khen thưởng: áp dụng hình thức khen thưởng đột xuất và khen thưởng định kỳ để khuyến khích CBCNV có nhiều thành tích đóng góp cho Công ty.

+ Hình thức khen thưởng đột xuất của Công ty áp dụng cho những tập thể, cá nhân có đóng góp đột xuất vào từng vụ việc trong sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty theo mức độ làm lợi của từng công vụ như: khen thưởng sáng kiến cải tiến kỹ thuật, khen thưởng áp dụng công nghệ, khen thưởng trong việc ký kết hợp đồng, khen thưởng thu hồi nợ..

+ Khen thưởng định kỳ áp dụng cho 6 tháng một lần. Đối tượng xét, số tiền thưởng, hình thức thưởng do Hội đồng Thi đua đề xuất Tổng giám đốc duyệt mức thưởng theo quy định chung của Nhà nước.

- Chế độ kỷ luật: tiếp tục áp dụng Bản Nội quy Kỷ luật của Công ty đã được Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Bình Dương công nhận để giữ vững kỷ luật, kỷ cương của Công ty và đảm bảo việc xây dựng một đội ngũ người lao động có trình độ tay nghề và có kỷ luật cao trong công việc.

9. Chính sách cổ tức

- Do Công ty chỉ vừa mới đi vào hoạt động dưới hình thức là một công ty cổ phần vào ngày 05/01/2001. Nên tính đến ngày 30/09/2001, Công ty chưa thực hiện bất cứ một đợt phân phối cổ tức nào.

- Căn cứ theo Điều lệ Công ty đã được Đại hội Cổ đông thông qua (Điều 49, Chương VI), chính sách phân phối cổ tức do Hội đồng Quản trị Công ty xác định và phải được Đại hội Cổ đông thông qua với ít nhất 75% số cổ phần có quyền biểu quyết. Công ty chỉ được chi trả cổ tức cho cổ đông khi Công ty kinh doanh có lãi và đã hoàn thành nghĩa vụ về thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.

10. Tình hình hoạt động tài chính

10.1 Các chỉ tiêu cơ bản (Vào thời điểm ngày 31/12/2000): Xem chi tiết tại các báo cáo Tài chính ở phần phụ lục.

- **Trích khấu hao:** Công ty thực hiện việc trích khấu hao theo Quy định 166/1999 ngày 30/12/1999 của Bộ Tài chính.

- **Mức lương bình quân:** 1.996.008 đồng/người/tháng

- **Thu nhập bình quân:** 2.224.739 đồng/người/tháng

- **Thanh toán các khoản nợ đến hạn:** vào thời điểm kết thúc năm tài chính 2000, Công ty không có bất kỳ khoản nợ quá hạn nào. Mọi khoản nợ đều được Công ty thanh toán đúng hạn theo thỏa thuận với các nhà cung cấp và ngân hàng.

- **Các khoản phải nộp theo luật định:** Công ty đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ nộp ngân sách theo luật định.

Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước năm 1999: 11,716 tỷ đồng

Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước năm 2000: 15,503 tỷ đồng

Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước 9 tháng đầu năm 2001: 8,512 tỷ đồng

- **Trích lập các quỹ:** việc trích lập các quỹ đã được Công ty thực hiện đầy đủ theo luật định: Quỹ Dự trữ bắt buộc trích hàng năm là 5% trên tổng lợi nhuận sau thuế.

- **Tổng dư nợ vay:** do đặc thù hoạt động của ngành, Công ty phải luôn duy trì một lượng tài sản lưu động lớn, chủ yếu là các khoản phải thu; thành phẩm tồn kho; chi phí sản xuất kinh doanh dở dang. Để tài trợ cho các khoản này Công ty thường xuyên vay nợ từ các tổ chức tín dụng và các khách hàng. Cụ thể tính đến 30/09/2001:

Tổng dư nợ ngắn hạn: 96.086.129.574 đồng

Tổng dư nợ dài hạn: 2.225.000.332 đồng

- Tình hình công nợ vào thời điểm ngày 30/09/2001

Tổng các khoản phải thu: 65.508.893.672 đồng

Tổng các khoản phải trả: 65.141.129.906 đồng

- **Khoản phải thu khó đòi chưa lập dự phòng** (theo thuyết minh báo cáo tài chính lập ngày 30/09/2001): Công ty chưa trích lập dự phòng số tiền 2.082.513.256 đồng là do các đơn vị còn nợ chưa trả không rơi vào tình trạng bị giải thể, phá sản, chết...mà có sự sáp nhập giữa các công ty như: Công ty Công trình Giao thông 63 sáp nhập với Công ty Công trình Giao thông 60, Công ty Công trình Giao thông 67 sáp nhập với Công ty Công trình Giao thông 61. Cho nên, Công ty cổ phần bê tông 620 - Châu Thới sẽ thực hiện việc trích lập dự phòng cho khoản nợ được coi như khó đòi (nêu trên) vào năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2001.

10.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	1999	2000	9 tháng đầu năm 2001
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán	-	-	-
+ Hệ số khả năng thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	- 1,32	- 1,68	- 1,30
+ Hệ số thanh toán nhanh (TSLĐ - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	- 0,94	- 1,32	- 0,85
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	54,91%	49,00%	59,29%
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	121,79%	96,09%	145,62%
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động	-	-	-
+ Vòng quay hàng tồn kho	5,20	4,38	1,43
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho			
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	1,37	0,87	0,46
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời	-	-	-
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	9,03%	6,49%	9,22%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	27,36%	11,10%	10,39%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	12,33%	5,66%	4,23%
+ Hệ số Lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần	11,27%	8,60%	12,76%

11. Danh sách thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Ban giám đốc và những nhà điều hành

11.1 Các thành Viên HĐQT: Hội đồng quản trị Công ty gồm 9 người

Ông NGUYỄN HÙNG

Chức vụ:	Chủ tịch Hội đồng quản trị - Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Bê tông 620 Châu Thới; Phó tổng giám đốc Tổng công ty Xây dựng Công trình Giao thông 6.
Năm sinh:	1957
Số cổ phiếu nắm giữ:	588.000 cổ phiếu đại diện Nhà nước (mệnh giá 10.000 đồng /cổ phiếu), chiếm tỷ lệ 9,995% vốn điều lệ Công ty
Địa chỉ liên lạc:	418/2B Nguyễn Kiệm, Quận Phú Nhuận, TP.HCM
Trình độ chuyên môn:	- Trung cấp Cầu đường - Đại học Kinh tế Công nghiệp (hiện đang học chương trình sau đại học) - Đại học Chính trị - Khóa đào tạo về Chứng khoán và Thị trường Chứng khoán.
Trình độ ngoại ngữ:	Bằng C Anh văn
Những người có liên quan:	Không
Các quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty:	Không

Quá trình công tác

1976 - 1989:	Nhân viên Công ty Bê tông 620
1990 - 1991:	Phó phòng Kế hoạch Công ty Bê tông 620
1991 - 1993:	Trưởng phòng Kế hoạch Công ty Bê tông 620
1994 - 1995:	Phó giám đốc Công ty Bê tông 620
1996 - 2000:	Giám đốc Công ty Bê tông 620, Phó tổng giám đốc Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 6
Từ 01/2001:	Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Bê tông 620, Phó tổng giám đốc Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 6

Ông TRẦN KHẮC LỢI

Chức vụ:	Phó chủ tịch Hội đồng quản trị - Phó tổng giám đốc Công ty Cổ phần Bê tông 620 Châu Thới
Năm sinh	1962
Số cổ phiếu nắm giữ:	589.550 cổ phiếu (Gồm 588.000 cổ phiếu đại diện Nhà nước và 1.550 cổ phiếu cá nhân), chiếm tỷ lệ 10,022% vốn điều lệ Công ty

Địa chỉ liên lạc: 42/4 Cô Bắc, Dĩ An, Huyện Dĩ An, Tỉnh Bình Dương

Trình độ chuyên môn: - Đại học Cầu đường- Thạc sĩ Quản trị kinh doanh- Khóa đào tạo về Chứng khoán và Thị trường Chứng khoán

Trình độ ngoại ngữ: Bằng C Anh văn

Những người có liên quan: Không

Các quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

Quá trình công tác

1982 - 1988: Đội trưởng Công trình Sở Giao thông Bình Dương

1989 - 1997: Trưởng phòng Thí nghiệm Giám sát chất lượng Công ty Bê tông 620

1998 - 1999: Trưởng phòng Kế hoạch Kinh doanh Công ty Bê tông 620

1999 - 2000: Phó giám đốc Công ty Bê tông 620

Từ 01/2001: Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Bê tông 620 Châu Thới
- Phó chủ tịch Hội đồng quản trị

Ông PHẠM ĐÌNH NHẬT KỲ

Chức vụ: Ủy viên Hội Đồng Quản Trị
- Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Bê tông 620 Châu Thới

Năm sinh: 1955

Số cổ phiếu nắm giữ: 2.400 cổ phiếu cá nhân, chiếm tỷ lệ 0,041% vốn điều lệ Công ty

Địa chỉ liên lạc: 260 Hòa Hưng, P.13, Quận 10, TP.HCM

Trình độ chuyên môn: - Đại học Cầu đường
- Khóa Quản trị Kinh doanh 6 tháng
- Khóa đào tạo về Chứng khoán và Thị trường Chứng khoán

Trình độ ngoại ngữ: Bằng C Anh văn

Những người có liên quan: Không

Các quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

Quá trình công tác

1976 - 1989: Công nhân viên Công ty Bê tông 620

1990 - 1995: Quản đốc Phân Xưởng Công ty bê tông 620

1996 - 2000: Phó giám đốc Công ty Bê tông 620

Từ 01/2001: Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần bê tông 620
- Ủy viên Hội đồng quản trị

Ông PHẠM ĐỨC TRÍ

Chức vụ: Ủy viên Hội đồng quản trị 620 - Trưởng Phòng tổ chức cán bộ Tổng công ty Xây dựng Công trình Giao thông 6

Năm sinh: 1948

Số cổ phiếu nắm giữ: 590.000 cổ phiếu (Gồm 588.000 cổ phiếu đại diện Nhà nước và 2.000 cổ phiếu cá nhân), chiếm tỷ lệ 10,029% vốn điều lệ Công ty

Địa chỉ liên lạc: 23 Lê Quý Đôn, P. 6, Quận 3, TP.HCM

Trình độ chuyên môn: Đại học Kinh tế

Trình độ ngoại ngữ: Bằng B Anh văn

Những người có liên quan: Không

Các quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

Quá trình công tác

1976 - 1980: Sỹ quan quân đội

1981- 1982: Nhân viên phòng Tổ chức cán bộ Liên hiệp các xí nghiệp Xây dựng Giao thông 6

1986 - 1987: Chánh văn phòng Tổng công ty Xây dựng công trình Giao thông 6

1988 - 1991: Phó giám đốc Xí nghiệp 626

1991 - 1997: Phó giám đốc Xí nghiệp công trình 624

03/97 đến nay: Trưởng phòng Tổ chức cán bộ Tổng công ty Xây dựng công trình Giao thông 6

Ông PHAN XUÂN ĐẠT

Chức vụ: Ủy viên Hội đồng quản trị 620 - Kế toán trưởng Tổng công ty Xây dựng Công trình Giao thông 6

Năm sinh: 1952

Số cổ phiếu nắm giữ: 588.000 cổ phiếu đại diện Nhà nước, chiếm tỷ lệ 9,995% vốn điều lệ Công ty

Địa chỉ liên lạc: 346/5 Nơ Trang Long, Quận Bình Thạnh, TP.HCM

Trình độ chuyên môn: Đại học Tài chính Kế toán

Trình độ ngoại ngữ: Bằng B Anh văn

Những người có liên quan: Không

Các quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

Quá trình công tác

1971 - 1976:	Sỹ quan quân đội
1976 - 1979:	Nhân viên phòng Hành chính Phân cục quản lý đường bộ
1980 - 1995:	Kế toán trưởng Công ty Bê tông 620
1996 đến nay:	Kế toán trưởng Tổng công ty Xây dựng công trình Giao thông

Ông HOÀNG TIẾN LONG

Chức vụ: Ủy viên Hội đồng quản trị - Trưởng phòng vật tư thiết bị Tổng công ty Xây dựng công trình Giao thông 6

Năm sinh: 1951

Số cổ phiếu nắm giữ: 6.000 cổ phiếu cá nhân, chiếm tỷ lệ 0,102% vốn điều lệ Công ty

Địa chỉ liên lạc: 01 Nghĩa Phát, Quận Tân Bình, TP.HCM

Trình độ chuyên môn: Đại học Cầu đường

Trình độ ngoại ngữ: Bằng B Anh văn

Những người có liên quan: Không

Các quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

Quá trình công tác

Trước năm 1976:	Cán bộ kỹ thuật Nhà máy TK 120 Cục Cơ Khí
1976 - 1984:	Quản Đốc phân xưởng Nhà máy TK 120 Cục Cơ Khí
1984 đến nay:	Trưởng phòng vật tư thiết bị Tổng công ty Xây dựng công trình Giao thông 6

Ông ĐẶNG TRUNG THÀNH

Chức vụ: Ủy viên Hội đồng quản trị - Giám đốc công ty TRANIMEXCO.

Năm sinh: 1958

Số cổ phiếu nắm giữ: 5.000 cổ phiếu cá nhân, chiếm tỷ lệ 0,085% vốn điều lệ Công ty

Địa chỉ liên lạc: 6B Tú Xương, P. 7, Quận 03, TP.HCM

Trình độ chuyên môn: Đại học Cơ Khí

Trình độ ngoại ngữ: Bằng C Anh văn

Những người có liên quan: Không

Các quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

Quá trình công tác

1970 - 1986:	Cán bộ kỹ thuật công ty cơ Khí
1987 - 1989:	Quản đốc xưởng cơ khí Nhà máy đại tu Z73 trực thuộc Cục kỹ thuật Quân khu 7
1990 - 1997:	Giám đốc Xí nghiệp thuộc Công ty xuất nhập khẩu vật tư thiết bị, Bộ Giao thông Vận tải
1997 đến nay:	Giám đốc công ty Tranimexco

Bà HUỲNH THỊ THANH HÀ

Chức vụ: Ủy viên Hội đồng quản trị - Kế Toán Trưởng Công ty Cổ phần Bê tông 620 Châu Thới

Năm sinh: 1969

Số cổ phiếu nắm giữ: 589.050 cổ phiếu (gồm 588.000 cổ phiếu đại diện Nhà nước và 1.050 cổ phiếu cá nhân), chiếm tỷ lệ 10,013% vốn điều lệ Công ty

Địa chỉ liên lạc: 478 Hai Bà Trưng, P. Tân Định, Quận 01, TP.HCM

Trình độ chuyên môn: Đại học Tài chính Kế toán - Lớp đào tạo Kế Toán Trưởng

Trình độ ngoại ngữ: Bằng B Anh văn

Những người có liên quan: Không

Các quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

Quá trình công tác

1989 - 1998:	Nhân viên kế toán Công ty Bê tông 620
1999 - 2000:	Kế toán Phó Công ty Bê tông 620
2001 đến nay:	Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Bê tông 620 Châu Thới

Bà KHƯƠNG THỊ THANH

Chức vụ: Ủy viên Hội đồng quản trị - Trưởng phòng Tổ chức lao động Hành chính quản trị Công ty Cổ phần Bê tông 620.

Năm sinh: 1958

Số cổ phiếu nắm giữ: 2.450 cổ phiếu cá nhân, chiếm 0,042% vốn điều lệ Công ty

Địa chỉ liên lạc: 117/11 Xô Viết Nghệ Tĩnh, P. 17, Quận Bình Thạnh, TP.HCM

Trình độ chuyên môn: Đại học Tài chính Kế toán - Cử nhân hành chính - Khóa đào tạo Quản trị kinh doanh

Trình độ ngoại ngữ: Bằng C Anh văn

Những người có liên quan: Không

Các quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

Quá trình công tác

Trước 1981: Nhân viên kế toán Khu đường bộ Điện Biên - Sở Giao thông Vận tải Lai Châu.

1981 - 1992: Nhân viên định mức lao động Công ty Bê tông 620

1993 - 1995: Phó phòng Tổ chức lao động tiền lương Công ty Bê tông 620

Từ 01/2001: Trưởng phòng Tổ chức lao động tiền lương Công ty Cổ phần Bê tông 620 Châu Thới

11.2 Các thành viên Ban kiểm soát

Bà TRẦN THỊ BA

Chức vụ: Trưởng Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Bê tông 620 - Phó kế toán trưởng Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 6

Năm sinh: 1949

Số cổ phiếu nắm giữ: 4.000 cổ phiếu cá nhân, chiếm tỷ lệ 0,068% vốn điều lệ Công ty

Địa chỉ liên lạc: 55 Đặng Văn Ngữ, phường 14, quận Phú Nhuận, TP.HCM

Trình độ chuyên môn: Đại học Tài chính Kế toán

Trình độ ngoại ngữ: Bằng B Anh Văn

Những người có liên quan: Không

Các quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

Quá trình công tác

1969 - 1975: Kế toán trung tâm Sản xuất quân trang và Nhân viên Bộ Công chánh (chế độ cũ)

1975 - 1994: Kế toán Khu Đường bộ 6

1994 - 1995: Kế toán trưởng Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 6

Từ 1996 đến nay: Phó kế toán trưởng Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 6

Bà HOÀNG THUY LIÊN

Chức vụ: Phó Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Bê tông 620

Năm sinh: 1954

Số cổ phiếu nắm giữ: 2.500 cổ phiếu cá nhân, chiếm tỷ lệ 0,042% vốn điều lệ Công ty

Địa chỉ liên lạc: 43/2D Phan xích Long, phường 3, quận Phú Nhuận, TP.HCM

Trình độ chuyên môn: Đại Học Tài chính Kế toán

Trình độ ngoại ngữ: Bằng B Anh Văn

Những người có liên quan: Không

Các quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

Quá trình công tác

1975 - 1981: Kế toán tại trường Đại học Huế

1982 - 2000: Phó phòng Kế toán Công ty Cổ phần bê tông 620

Từ 2001 đến nay: Phó Ban kiểm soát Công ty Cổ phần bê tông 620

Ông NGUYỄN THANH HẢI

Chức vụ: Ủy viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Bê tông 620
- Giám đốc Xí nghiệp Dịch vụ Vận tải - Công ty Cổ phần Bê tông 620

Năm sinh: 1947

Số cổ phiếu nắm giữ: 3.400 cổ phiếu cá nhân, chiếm tỷ lệ 0,058% vốn điều lệ Công ty

Địa chỉ liên lạc: 211/6 Nguyễn Văn Lượng, phường 17, quận Gò Vấp, TP.HCM

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Luật

Trình độ ngoại ngữ: Bằng C Anh Văn

Những người có liên quan: Không

Các quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

Quá trình công tác

1965 - 1979: Kế toán Công ty Xây dựng Công trình 1 - Cục Quản lý Đường bộ

1979 - 1982: Kế toán trưởng Công ty Xây dựng Công trình 1 - Phân Cục Quản lý Đường bộ Miền Nam

1982 - 1984: Kế toán trưởng Xí nghiệp Bê tông Châu Thới

Từ 1984 đến nay: Giám đốc Xí nghiệp Dịch vụ Vận tải - Công ty Cổ phần bê tông 620

11.3. Các thành viên Ban Giám đốc: Gồm 01 Tổng Giám đốc và 02 Phó Tổng Giám đốc

Ông NGUYỄN HÙNG

Chủ tịch Hội đồng quản trị, kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Bê tông 620 (xem phần trên)

Ông TRẦN KHẮC LỢI

Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị, kiêm Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Bê tông 620 (xem phần trên)

Ông PHẠM ĐÌNH NHẬT KỲ

Ủy viên Hội đồng quản trị, kiêm Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Bê tông 620 (xem phần trên)

12. Tài sản cố định tính đến ngày 30/09/2001

12.1 Tài sản cố định hữu hình

Chỉ tiêu	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	6.440.641.311	40.795.940.843	14.641.690.663	1.233.400.459	801.088.841
Tăng trong kỳ	23.809.523	11.987.416.618	6.481.657.286	183.854.000	343.734.864
Giảm trong kỳ	978.159.147	6.481.657.286	37.823.968	63.819.169	108.569.174
Số dư cuối kỳ	5.486.291.687	46.301.700.175	14.630.001.218	1.353.435.290	1.036.254.531
Khấu hao tích lũy					
Số dư đầu kỳ	2.591.066.366	21.383.749.195	8.166.097.135	676.106.560	535.597.889
Tăng trong kỳ	300.678.235	3.070.753.710	1.094.936.932	96.028.983	64.331.343
Giảm trong kỳ	978.159.147	6.481.657.286	37.823.968	63.819.169	108.569.174
Số dư cuối kỳ	2.591.066.366	21.383.749.195	8.166.097.135	676.106.560	535.597.889
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	3.849.574.945	19.412.191.648	6.475.593.528	557.293.899	265.490.952
Số dư	3.572.706.233	28.328.854.556	5.406.791.119	645.118.916	544.894.473

cuối kỳ					
---------	--	--	--	--	--

12.2 Tài sản cố định vô hình

Chỉ tiêu	31/12/1999	31/12/2000	30/09/2001
Nguyên giá	616.096.500	616.096.500	616.096.500
Khấu hao	252.757.540	252.757.540	252.757.540
Giá trị còn lại	363.338.960	363.338.960	363.338.960

13. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức từ 2001 đến năm 2005

Chỉ tiêu	2001		2002		2003		2004		2005	
	Tỷ đồng	% tăng giảm so với năm 2000	Tỷ đồng	% tăng giảm so với năm 2001	Tỷ đồng	% tăng giảm so với năm 2002	Tỷ đồng	% tăng giảm so với năm 2003	Tỷ đồng	% tăng giảm so với năm 2004
Doanh thu thuần	135,25	0,10%	144,21	6,62%	160,21	11,09%	178,64	11,50%	200,07	12,00%
Lợi nhuận sau thuế	9,85	13,22%	11,57	17,46%	12,18	5,27%	13,06	7,22%	13,56	3,83%
Tỷ lệ LN sau thuế/DT thuần	7,28%	12,35%	8,02%	10,16%	7,60%	-5,24%	7,31%	-0,04%	6,78%	-7,25%
Tỷ lệ LN sau thuế/Vốn CSH	14,03%	26,40%	15,73%	12,12%	15,72%	-0,06%	15,87%	0,95%	15,47%	-2,52%
Cổ tức	7,06	0	8,24	16,71%	8,24	0	8,24	0	8,24	0

- Theo kế hoạch, doanh thu năm 2002 tăng 6,62% so với năm 2001 và đạt 144,21 tỷ đồng là do đến khoảng quý I năm 2002, năng lực sản xuất và cung ứng sản phẩm của Công ty sẽ được nâng lên đáng kể bằng cách chính thức đưa vào sử dụng 03 xưởng sản xuất những sản phẩm mới như: cọc ống ly tâm, cọc vuông rỗng ruột. Đồng thời vào khoảng quý II năm 2002, Công ty cũng sẽ đưa vào hoạt động xưởng đúc bê tông quy mô lớn phục vụ cho dự án cầu Cần Thơ. Các sản phẩm mới này đang có nhu cầu rất lớn trên thị trường và theo đánh giá đều có hiệu quả kinh tế cao. Vì vậy tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu tăng 10,16% so với năm 2001 và đạt 8,02%.

- Do nhu cầu đầu tư mở rộng sản xuất trong 2 năm 2001 và 2002 khá lớn (theo kế hoạch các khoản đầu tư trong 2 năm này đạt 37,07 tỷ đồng) nên hàng năm Công ty phải giữ lại một phần lợi nhuận sau thuế để tài trợ cho nhu cầu đầu tư phát triển trong tương lai. Vì vậy

chính sách cổ tức mà Công ty dự kiến áp dụng là phân phối cổ tức cho năm 2001 với tỷ lệ cổ tức trên mệnh giá đạt 12% và tỷ lệ này sẽ được giữ đều ở mức 14% cho những năm tiếp theo.

- Với những dự án công ty đang chuẩn bị để thực hiện trong khoảng thời gian từ năm 2001 đến năm 2005 như: Hàm đường bộ Hải Vân (tổng giá trị công ty thực hiện hơn 20 tỷ đồng); cầu Long Toàn (27.6 tỷ đồng); Cầu Bà Chiêm (17 tỷ đồng); cầu Rạch Miễu (80 tỷ); cầu Long Kiểng - TP.HCM (22 tỷ); cầu Hùng Vương (20 tỷ) và một số công trình khác theo kế hoạch đầu tư từ năm 2001 - 2005 của ngành Giao thông Vận tải, cộng với khả năng lãnh đạo, điều hành của HĐQT, Ban giám đốc Công ty có cơ sở để tin rằng công ty sẽ đạt được kế hoạch đề ra.

14. Kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty

14.1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh ngắn hạn

- Tăng tỷ trọng doanh thu dịch vụ và xây dựng trong tổng doanh thu hàng năm: để thực hiện nhiệm vụ này Công ty phấn đấu tham gia các dự án xây dựng trong nước với tư cách là nhà thầu chính của các dự án hơn là việc chỉ cung cấp các loại vật tư, cấu kiện thành phẩm. Mục tiêu trước mắt là phấn đấu tăng tổng giá trị sản phẩm, dịch vụ lên 30 - 40% trong vòng 3 năm kể từ 2001. Ban Giám đốc và đội ngũ nhân viên Công ty hiện nay đã trưởng thành, đủ năng lực cũng như kinh nghiệm để đưa hoạt động của Công ty đảm bảo kế hoạch đề ra đồng thời đạt được lợi nhuận cao, giảm thiểu được những rủi ro phát sinh.

- Tập trung vào các dự án đấu thầu mang tính quốc tế: với lợi thế đã tích lũy kinh nghiệm nhiều năm đối với các dự án do nước ngoài làm chủ đầu tư, Công ty ngày càng khẳng định khả năng cung cấp sản phẩm và dịch vụ với chất lượng cao đáp ứng các tiêu chuẩn khắt khe mà các dự án, công trình do các nước, các tổ chức quốc tế tài trợ đề ra. Công ty sẽ phát huy thế mạnh này và tiếp tục tìm kiếm cơ hội để thiết lập và giữ vững những mối quan hệ tốt với các nhà thầu nước ngoài.

- Giảm giá thành và nâng cao chất lượng sản phẩm: với công suất của các máy móc thiết bị, công nghệ mới hiện nay, Công ty vẫn còn khả năng tận dụng để sản xuất các loại sản phẩm khác ngoài các sản phẩm truyền thống nhằm đáp ứng nhu cầu đa dạng của thị trường về các sản phẩm bê tông tiền áp đúc sẵn. Từ đó góp phần làm giảm giá thành sản phẩm thông qua việc giảm chi phí khấu hao trên từng đơn vị sản phẩm, gắn kết công việc hàng ngày với hệ thống quản lý chất lượng đạt tiêu chuẩn ISO 9002, nâng cao tính cạnh tranh về giá cả trên thị trường đồng thời vẫn đảm bảo tính hiệu quả trong kinh doanh của Công ty.

- Mua sắm máy móc thiết bị phục vụ thi công: cụ thể sẽ trang bị giàn cầu mới có công suất từ 80 tấn đến 125 tấn, hệ thống khoan cọc nhồi nhằm đáp ứng yêu cầu thi công các công trình lớn và mở rộng thị trường sang lĩnh vực thi công đường, cầu cảng .

- Đầu tư huấn luyện và đào tạo nhân viên: trong thị trường luôn biến động và cạnh tranh ngày càng gay gắt, yêu cầu duy trì một đội ngũ nhân viên có trình độ tay nghề cao nhằm giúp Công ty nắm bắt nhanh các cơ hội đồng thời thích ứng và đối phó hiệu quả với những thách thức thường xuyên của thị trường là công việc rất quan trọng và cấp bách. Nhận thức rõ điều này, Công ty luôn tạo điều kiện cho các nhân viên của mình nâng cao trình độ tay nghề thông qua các khóa huấn luyện được Công ty tổ chức thường xuyên. Công việc sẽ được Phòng Hành chính - Nhân sự chịu trách nhiệm lập kế hoạch đào tạo cho toàn Công ty, phấn đấu mỗi nhân viên quản trị của các phòng ban chức năng hàng năm đều hoàn tất ít nhất một chương trình đào tạo quản trị theo phương pháp mới có liên quan đến hệ thống quản trị, cách làm việc và tư duy tiên tiến phù hợp với hình thức sở hữu mới của Công ty. Ngoài ra nếu có yêu cầu các nhân viên còn có thể đề nghị Công ty tài trợ cho việc học tập, nghiên cứu của mình nếu điều này phù hợp với yêu cầu công việc.

- Nâng cao hệ thống thông tin quản trị: Công ty sẽ đầu tư, trang bị hệ thống máy PC hiện đại, xây dựng hệ thống mạng cục bộ (LAN), xây dựng Website riêng để có thể cung cấp thông tin quản trị có chất lượng cao hơn và kịp thời hơn, tạo thuận lợi cho việc ra quyết định, cũng như cải thiện việc trao đổi thông tin đối nội và đối ngoại.

- Tái cơ cấu tổ chức doanh nghiệp: việc tái cơ cấu tổ chức doanh nghiệp nhằm tạo sự chủ động cho các bộ phận, phân xưởng, chi nhánh trong việc thực hiện nhiệm vụ chung của toàn Công ty trên tinh thần phát huy hết sức mạnh nội lực. Điều này sẽ đảm bảo cho việc kết toán chi phí sản xuất, phân tích kết quả hoạt động theo từng loại sản phẩm và dịch vụ cũng như việc xác định vai trò, trách nhiệm các bộ phận được chính xác, rõ ràng hơn và sẽ làm tăng hiệu quả quản trị trên bình diện toàn Công ty. Từ đó cho phép Công ty phát triển và tăng trưởng một cách bền vững.

14.2. Kế hoạch sản xuất kinh doanh trung hạn

- Mở rộng nhà máy, lắp đặt thiết bị công nghệ sản xuất cốc ống: Hiện nay, Công ty đang nâng cấp công nghệ của nhà máy hiện tại với dự toán chi phí khoản 11,2 tỷ đồng dùng để sản xuất cốc ống tiền áp. Đây là sản phẩm rất thông dụng trong các dự án xây dựng quốc tế, nhưng hiện tại chưa sản xuất được tại Việt Nam. Các thiết bị này sẽ được lắp đặt vào khoảng cuối năm 2001. Đây sẽ là kế hoạch mang tính đột phá rất cao, tạo thêm tính cạnh tranh cao nhằm chiếm lĩnh thị phần đang rộng mở trong những năm tới.

- Xây dựng nhà máy trộn bê tông tại Vĩnh Long nhằm mục đích đón đầu những cơ hội tiềm năng qua dự án cầu Cần Thơ đã được Chính phủ phê duyệt: dự án này sẽ bắt đầu khởi công xây dựng vào quý I năm 2002 và hoàn tất vào khoảng cuối năm 2006 với chi phí ước tính khoảng 300 triệu USD do Chính phủ Nhật Bản tài trợ. Đánh giá được sức mình cũng như hiểu rõ các dự án được nước ngoài tài trợ, Công ty Bê tông 620 sẽ cố gắng trở thành nhà thầu phụ chính của bất cứ công ty nào của Nhật Bản trúng thầu xây dựng dự án nói trên. Có thể khẳng định dự án này công ty sẽ tham gia đã được công ty chứng minh ở công trình cầu Mỹ Thuận mà phía đối tác BHE của Úc đánh giá cao năng lực, khả năng đáp ứng của công ty, tạo tiền đề kinh nghiệm quý báu khi công ty tham gia cầu Cần Thơ. Để làm tăng cơ hội tiềm năng lên mức tối đa, Công ty sẽ đầu tư 11.7 tỷ đồng (trong đó có 5,7 tỷ giá trị thiết bị tự có) để xây dựng nhà máy trộn bê tông tại tỉnh Vĩnh Long, ngay cạnh địa điểm sẽ xây dựng cầu Cần Thơ. Theo hoạch định của Công ty, nhà máy này trước hết sẽ cung cấp các sản phẩm bê tông phục vụ việc xây dựng cầu và sau đó sẽ cung cấp các sản phẩm và vật liệu xây dựng cho khu công nghiệp dự tính cũng sẽ được xây dựng gần địa điểm xây dựng cầu Cần Thơ. Công suất nhà máy khoảng 20.000 đến 30.000m³ một năm và sẽ làm tổng sản lượng sản xuất bê tông của Công ty tăng 50% đạt mức 60.000 m³/năm.

- Đầu tư liên doanh xây dựng và khai thác cảng Bình Minh (Vĩnh Long): kế hoạch xây dựng cầu Cần Thơ và khu công nghiệp dự tính sẽ tạo ra nhu cầu thiết lập hệ thống cảng bốc dỡ, chuyên chở trang thiết bị và vật liệu xây dựng phục vụ thi công. Vì thế Công ty đã và đang đầu tư 10,2 tỷ đồng (trong đó có 4,2 tỷ giá trị thiết bị tự có) vào liên doanh cảng Bình Minh nhằm xây dựng và khai thác một bến bốc dỡ nhằm phục vụ yêu cầu thi công cầu Cần Thơ. Công ty tham gia liên doanh này với tỷ lệ góp vốn là 50%. Trong đó giá trị thiết bị tự có là 4,2 tỷ đồng và trong năm 2001 đầu tư 2,8 tỷ, năm 2002 là 3,2 tỷ. Hiện nay, công trình này đã được khởi công, san lấp mặt bằng và làm tường rào bảo vệ kể từ ngày 25/07/2001 tại địa bàn xã Mỹ Hòa, huyện Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long, sau khi đã hoàn tất xong việc đền bù giải phóng mặt bằng.

14.3. Kế hoạch sản xuất kinh doanh dài hạn

- Xây dựng nhà máy trộn bê tông tại Đà Nẵng và nhà máy sản xuất bê tông tại Chu Lai (Quảng Ngãi) nhằm mở rộng địa bàn và năng lực hoạt động ở các tỉnh miền Trung. Với tâm điểm là TP. Đà Nẵng, một trung tâm kinh tế của miền Trung, Công ty tin tưởng vào sự phát triển của vùng này qua các khu công nghiệp, khu sản xuất lớn sẽ cần đầu tư hạ tầng

lớn hơn để đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế xã hội. Từ đây, Công ty sẽ phát triển và xuất khẩu các sản phẩm bê tông qua hạ Lào, Campuchia trong tương lai.

- Tận dụng ISO 9002 để xâm nhập vào thị trường quốc tế, đặc biệt là thị trường khu vực Châu Á. Chính yếu tố này tạo cơ sở để những sản phẩm của công ty đủ khả năng tham gia vào khu vực phát triển năng động nhất của Châu Á này.

Căn cứ vào những dự án đang thực hiện và các hợp đồng đã được ký kết, cùng với việc ước đoán khả năng thắng thầu các dự án nằm trong quy hoạch tổng thể về cơ sở hạ tầng và tiến độ đầu tư nâng cao năng lực sản xuất của mình, Công ty đã đề ra kế hoạch hoạt động từ năm 2001 đến 2005 như sau:

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm				
	2001	2002	2003	2004	2005
Doanh thu	135,25	144,21	160,21	178,64	200,07
1. Sản phẩm công nghiệp	89,75	100,30	113,55	129,15	147,65
2. Dịch vụ	8,00	9,00	10,00	11,00	12,00
3. Xây lắp	37,50	34,91	36,66	38,49	40,42
Chi phí	123,99	132,65	147,33	163,10	183,92
Lợi nhuận sau thuế	9,85	11,57	12,18	13,06	13,56
Cổ tức	7,06	8,24	8,24	8,24	8,24
Tỷ lệ cổ tức	12%	14%	14%	14%	14%

(Nguồn: Kế hoạch kinh doanh của công ty)

(Ghi chú :Phần lợi nhuận dành cho việc chi trả cổ tức sẽ được quyết định bởi Đại hội cổ đông hàng năm, tuy nhiên trong kế hoạch của mình Công ty chủ trương dành một phần lợi nhuận sau thuế để hoàn trả các khoản đầu tư trong 02 năm 2001-2002 do đó chỉ tạm tính ở mức 14%/ năm)

15. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan đến Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán phát hành

Công ty hiện không có các tranh chấp kiện tụng có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán phát hành.

VIII. PHỤ LỤC

1. Phụ lục I : Danh mục địa điểm nơi công bố bản Cáo bạch
2. Phụ lục II : Báo cáo kiểm toán năm 1999, năm 2000 và 9 tháng đầu năm 2001
3. Phụ lục III : Tóm tắt điều lệ công ty
4. Phụ lục IV : Các hợp đồng kinh tế lớn được ký kết

5. Phụ lục V : Giới thiệu những văn bản pháp luật liên quan đến tổ chức phát hành

6. Phụ lục VI : Các văn bản khác

Bình Dương, ngày 28 tháng 12 năm 2001

Chủ tịch Hội đồng quản trị

NGUYỄN HÙNG

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trần Khắc Lợi

Phạm Đình Nhật Kỳ

Huỳnh Thị Thanh

Hà Khương Thị Thanh

Đặng Trung Thành

Phan Xuân Đạt

Phạm Đức Trí

Hoàng Tiến Long

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

Trần Thị Ba